

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỸ

QUYỂN 5 (Phần 1)

Phẩm 34: NHẬP PHÁP GIỚI

Đây là hội thứ tám, thuyết tại Trùng Các ở tinh xá Kỳ Hoàn. Sở dĩ ở tinh xá Kỳ Hoàn bởi vì là nơi bắt đầu nhiếp hóa. Sở dĩ ở Trùng Các là bởi vì biểu thị tâm Bi trở lại sinh trưởng ở trên Chánh trí. Đây chính là phần thứ hai dựa vào người Nhập Chứng.

Bốn môn giống như trên.

1. Phân rõ về tên gọi. Hỏi: Bởi vì nghĩa gì mà gọi là Nhập Pháp Giới? Đáp: Pháp ấy có ba loại, đó là do ý mà biết pháp, tự tánh và quỹ tắc. Trong này gồm cả ba loại. Giới là tánh chung của tất cả các pháp, cũng là nhân, cũng là phạm vi. Nhập là đạt được pháp môn này.

2. Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì trên đây tuy đạt được pháp về Hành-Giải, nhưng nếu không dựa vào tri thức gia trì thì không biết từ đâu mà tiến vào hiểu biết, cho nên đưa ra.

3. Thể của Tông, phân biệt có hai: 1) Dựa theo con người; 2) Dựa theo pháp. Con người thì Chánh hóa và Trợ hóa đều có Thể-Tướng-Dụng, dựa theo suy nghĩ để thâm nhiếp. Pháp là pháp của con người, cũng có hai: 1) Dựa theo con người; 2) Dựa theo pháp. Dựa theo con người, đó là người ở nhân vị và người ở quả vị, đều trở thành bậc thầy và bạn bè về tri thức, đều có Đồng sinh và Dị sinh, cũng có thân của năm loại Sinh, điều này có thể suy nghĩ. Dựa theo pháp thì có mười: 1) Nhân; 2) Quả; 3) Hạnh; 4) Lý; 5) Giáo; 6) Nghĩa; 7) Sự; 8) Người; 9) Pháp; 10) Giải. Người trước là người hoằng giáo, người sau là người làm chỗ dựa cho pháp, điều này có thể suy nghĩ.

Hỏi: Phạm vi của Nhập Pháp Giới thế nào?

Đáp: Có hai nghĩa: Một là bắt đầu từ Sơ phát tâm, cuối cùng thì không nhất định. Nếu dựa vào văn kinh thì chỉ đến tâm Kim Cang về sau, nếu nghĩa mong cầu thì gồm chung quả đức mà thôi. Dựa vào văn để xác định, bởi vì quả vị không thể nào nói rõ. Lại hướng về cơ thì không gồm chung quả, dựa theo tri thức tự hành thì gồm chung nhân quả, vì dụng gồm chung nhân của quả. Vả lại, quả vị không có tướng mong cầu. Đây là dựa theo Tam thừa mà nói, nếu dựa theo Nhất thừa thì cũng gồm chung quả, nói như phẩm Ly Thế Gian, cho nên dựa theo có thể biết. Hai là rộng hẹp chỉ thuộc về tâm Đại thừa; Tiểu thừa, Bồ-tát, Thanh văn, phàm phu thì không nói đến Nhập Pháp Giới.

Hỏi: Phẩm Tánh Khởi thì nói thông, phẩm này thì hạn chế là thế nào?

Đáp: Tông chỉ của phẩm Tánh Khởi là muốn trình bày dựa theo pháp để phân rõ về phạm vi cho nên nói thông, phẩm này trình bày dựa theo tâm con người để phân rõ về phạm vi cho nên hạn chế mà thôi. Phẩm Tánh Khởi dựa theo pháp, giả sử không chứng thì không gọi là không dấy khởi, nghĩa còn lại đối chiếu với văn để giải thích.

4. Giải thích văn. Văn này có hai: Một là Tựa phát khởi, hai từ “Nhĩ thời Thế Tôn dục linh chư Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về Chánh tông.

Tông của phẩm này trình bày về ý nghĩa gì? Trình bày về lực của tri thức. Các Hội trước đây đều trước tiên phóng ánh sáng khiến cho phương khác nhận biết, là hiển bày về thuyết pháp cạn sâu, chúng quy tụ thêm vi tế, lại dùng âm thanh làm Chánh thuyết; Hội này thì không như vậy, nhưng Như Lai phóng ánh sáng hiển bày rõ ràng về ba thế gian, khiến cho Đại chúng tiến vào tức là Chánh thuyết. Lại không có riêng lời nói về các tri thức nối thông về sau mà thôi. Nay dựa theo ý thứ nhất để trình bày.

Tri thức có bốn Lực, đó là gần thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, lắng niệm tư duy, như pháp tu hành. Văn sau có đủ ý này mà thôi. Lại có bốn năng lực, nói như Nhiếp Luận.

Một là văn Tựa, có chín: 1) Thời gian thuyết; 2) Hóa chủ; 3) Trú xứ; 4) Chúng cùng nghe; 5) Đại chúng khởi niệm nghi ngờ; 6) Phật nhập Tam-muội; 7) Chúng mới từ mười phương quy tụ; 8) Thuyết kệ ca ngợi; 9) Phổ Hiền trở lại khai phát đức dụng của Tam-muội.

Hỏi: Các Hội trước đều quy tụ chúng mới rồi, sau đó mới nhập Định, Hội này sao lại ở trước?

Đáp: Các Hội trước thì nhập đến nơi Hóa chủ, thuyết giảng có

người khác, lúc người muốn thuyết giảng mới bắt đầu nhập Định; nay Hội này thì không như vậy, Phật tự trao cơ, nếu Phật không nhập Định thì những người đến sẽ không biết từ đâu, cho nên trước tiên nhập Định để hiển bày tướng, sau mới quy tụ chúng mới, tức là người ở nhân vị và người ở quả vị thiết lập quy phạm không giống nhau. Lại bởi vì văn sau hiển bày về pháp theo hai lớp, đến lớp thứ hai mới bắt đầu xuống đến người tiền vào thấy biết.

Hỏi: Hội này Phật nào tự nhập?

Đáp: Nay là pháp của người thành tựu hạnh, nếu không phải người ở quả vị tự nhập để hiển bày về pháp là chân thật, thì không biết từ đâu dẫn dắt người ở nhân vị kia khiến cho thành tựu Đại quả. Vì sao nhập Định Sư tử phấn tẩn? Bởi vì muốn khiến cho Bồ-tát đạt được, lại biểu hiện rõ ràng dũng mãnh trao truyền giáo pháp khiến cho người tu tập điều phục hư vọng hiển bày chân thật.

4. Chúng cùng nghe có ba: Một là Bồ-tát, hai là Thanh văn, ba là các Thiên vương.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát ở trước tiên?

Đáp: Các kinh thuận theo nhau chọn lấy giáo gần (thân giáo), bởi vì gồm chung Tiệm giáo; kinh này dựa theo lý để phân rõ, bởi vì là Đốn giáo. Sở dĩ chúng này chỉ có Thanh văn, điều này có hai ý: Một là bởi vì hiển bày pháp giới thâm nhiếp tương ứng, hai là bởi vì xoay chuyển Tiểu hạnh tiến vào Đại hạnh.

Một, Chúng Bồ-tát có ba: Một là đưa ra số; hai là nêu ra một trăm bốn mươi tên gọi, có mười lăm phần vị đều hiển bày về pháp riêng biệt, có thể suy nghĩ; ba là ca ngợi về đức.

Văn về đức có hai: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt. Riêng biệt có hai: Bảy câu đầu là hành Tự lợi, ba câu sau là hành Lợi tha.

Hai, Trong chúng Thanh văn có ba: Một là đưa ra số; hai là nêu ra tên gọi; ba là ca ngợi về đức.

5. Trong khởi niệm nghi ngờ thừa thính: Đầu là thừa thính, tiếp là kết luận. Phần đầu có sáu mươi câu, có ba: Một, ba mươi câu phân rõ về pháp đã thừa thính; hai, có mười câu ca ngợi về chúng có thể nghe; ba, hai mươi câu ca ngợi về Phật có thể nói.

Trong pháp có ba: Một là mười câu chính thức phân rõ về pháp của quả đã thừa thính, hai là mười câu phân rõ về người ở nhân vị chưa tận cùng, ba có mười câu suy ra công đức thuộc về Phật. Trong phần một là pháp đã nghi ngờ có ba: Một, phân rõ về người nghi; hai, phân rõ về niệm; ba, trình bày về pháp đã nghĩ đến.

Trong phần ba là ca ngợi về Phật có thể nói: Một là mười câu trình bày về nhân tròn vẹn, hai có mười câu ca ngợi về quả đầy đủ.

6. Trong phần nhập Định có hai: Một là nhập Định, hai từ “Nhập Tam-muội dĩ...” trở xuống là trình bày rõ ràng về tướng của Tịnh độ, tức là Định lực.

Văn phần một có ba: Một, phân rõ về phương tiện; hai, chính thức nhập; ba, từ “Dục linh...” trở xuống là trình bày về việc làm của ý nhập. Ở đây vì sao chỉ dựa vào Đại Bi? Bởi vì trước đây nói gồm chung giải-hạnh, ở đây chỉ giữ lại hạnh khiến cho trừ bỏ nguy hiểm có được niềm vui.

Trong phần hai là nhập Định lực hiển bày về Tịnh độ, có năm: Một, trang nghiêm Trùng Các; hai, trang nghiêm vườn rừng; ba, trang nghiêm hư không; bốn, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu; năm, từ “Như thử Kỳ thọ...” trở xuống là kết luận nối thông mười phương.

Văn phần một có hai: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt. Trong riêng biệt có mười loại trang nghiêm có thể biết. Về sau các vườn rừng-hư không đều có mười câu có thể biết.

Trong phần năm là kết luận có bốn: Một là kết luận, hai là chư Phật quy tụ, ba là Bồ-tát quy tụ, bốn là trở lại trang nghiêm hư không. Cũng có thể toàn văn phân làm ba: Một, trang nghiêm Trùng Các... tức là khí thế gian; hai, Như Lai quy tụ tức là trí Chánh giác; ba, Bồ-tát quy tụ tức là chúng sinh thế gian mà thôi. Sở dĩ nhân quả cùng quy tụ, là bởi vì hiển bày nhân quả thật sự thành tựu.

7. Chúng quy tụ, văn có ba: Một, phân rõ về chúng mười phương quy tụ; hai, từ “Thị chư Bồ-tát...” trở xuống là ca ngợi về đức; ba, từ “Nhĩ thời chư Đại Thanh văn...” trở xuống là phân rõ về tướng Bất cộng.

Văn phần một, mười phương đều có tám: Một là xa hơn trần số giới hải, tức là theo lượng; hai là nêu ra tên gọi thế giới; ba là phân rõ về danh hiệu Phật; bốn là nêu ra tên gọi của Bồ-tát thượng thủ; năm là phân rõ về quyến thuộc; sáu là vật dụng cúng dường; bảy là đi đến chỗ Phật; tám là đều hóa hiện lâu gác mà ngồi, còn lại giống như vậy mà thôi.

Sở dĩ Bồ-tát tên gọi Vương Chứng là bởi vì hành dụng pháp giới tự tại.

Văn phần hai là ca ngợi về đức, có hai: Một là ca ngợi, hai từ “Giai thị Như Lai...” trở xuống là suy ra công lao.

Phần một có ba: Một, tổng quát ca ngợi; hai, từ “Thành tựu...” trở xuống là riêng biệt ca ngợi về đức; ba, từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là kết luận ca ngợi quy tụ.

Trong riêng biệt có hai: Một là đức của Tự phần, hai từ “Ư đại chúng trung tức Sư tử hống...” trở xuống là đức của Tha phần.

Trong phần một có ba: Một, phân rõ về hành Tự lợi; hai, từ “Năng ư nhất thiết Như Lai...” trở xuống là hạnh Lợi tha; ba, từ “Cụ túc thập phương...” trở xuống là phân rõ về cùng thành tựu, đức của Tự phần và Tha phần đều đầy đủ.

Văn phần ba phân rõ về Thanh văn Bất cộng tức là hiển bày về pháp giới là sâu xa, trong văn có hai: Một, đích thực không nhìn thấy; hai, từ “Thí như ngạ quỷ...” trở xuống là ví dụ so sánh.

Văn phần một có ba: Một là trình bày không nhìn thấy hành đức chân thường của Phật, hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích nguyên cớ trở thành không thấy, ba từ “Thị cố tuy dữ...” trở xuống là kết luận.

Văn phần một có ba: Một, nêu ra tên gọi; hai, từ “Như thị đẳng chư Đại...” trở xuống là không thấy quả đức của pháp giới, phần này thì cùng với mười câu đã hỏi về pháp trên đây giống nhau về đại thể, văn có ba có thể biết; ba, từ “Diệc phục bất kiến...” trở xuống là không thấy nhân hạnh viên thông của Đại chúng.

Trong phần ba là không thấy cảnh giới của nhân hạnh, có ba: Một là tổng quát đưa ra, hai là chính thức phân rõ, ba từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận.

Trong phần hai là giải thích nguyên cớ trở thành, có hai: Đầu là vấn hỏi, sau là trả lời. Trong trả lời có hai: Một là tổng quát, hai từ “Bổn bất tu tập năng kiến Như Lai...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về ý không thấy.

Trong phần này có hai: Một là trình bày bởi vì không tu Đại hạnh cho nên không thấy, hai từ “Diệc vô Tam-muội thanh tịnh trí nhãn...” trở xuống là chính thức phân rõ về tướng không thấy.

Văn phần một có ba: Một, bởi vì không tu cho nên không thấy; hai, từ “Thị chư công đức...” trở xuống là bởi vì Bất cộng cho nên không thấy, có ba có thể biết; ba, từ “Thị cố chư Đại đệ tử...” trở xuống là kết luận.

Phần một bởi vì không tu, văn có hai: Một là không tu về quả đức, hai từ “Bất cầu Bồ-tát...” trở xuống là không cầu mong nhân hạnh.

Văn phần hai là chính thức phân rõ về không thấy, có hai: Một, trình bày về không thấy; hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là phân rõ về

nguyên cố.

Vấn phần một có hai: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt. Trong riêng biệt có hai: Một là mất đi không có Đại quả của mình, hai từ “Diệc bất lạc thuyết...” trở xuống là mất đi không có ân đức của người. Còn lại thì có thể biết mà thôi.

Trong phần hai là ví dụ so sánh, có mười dụ: 1) Gọi là dụ về Hoặc chướng ngại cho cảnh thù thắng; 2) Dụ về không tận cùng nguồn gốc; 3) Dụ về cầu dưới mắt trên; 4) Dụ về không có gì thâm nhiếp được; 5) Dụ về trước ánh sáng mờ mắt; 6) Dụ về tu đạt được quả khác; 7) Dụ về ở chung mà thấy khác; 8) Dụ về không làm cùng một việc làm; 9) Dụ về sâu cạn so sánh với nhau; 10) Dụ về trú vào phần vị chấm dứt mong cầu.

8. Trong phần ca ngợi về đức có mười vị nói kệ:

Vị thứ nhất có ba: Một có năm kệ ca ngợi về Thể của quốc độ, hai có bốn kệ ca ngợi về chúng quy tụ, ba có một kệ kết luận ca ngợi.

Thứ hai, Tinh Tiến Thế Vương có mười kệ, phân làm năm: Một có hai kệ tổng quát ca ngợi về Y-Chánh, hai có hai kệ ca ngợi về chúng hội thù thắng, ba có hai kệ trình bày về thần lực của người đến, bốn có hai kệ ca ngợi về đức của Phật, năm có hai kệ phân rõ về phạm vi của Giác ngộ.

Thứ ba, Phổ Diệu Đức Vương có mười kệ, phân hai: Một có ba kệ về pháp trình bày đức của Phật, hai là bảy kệ về dụ.

Thứ tư, Vô Ngại Diệu Đức Tạng Vương có mười kệ, theo thứ tự ca ngợi về Phật có thể biết.

Thứ năm, Thiện Hóa Nguyệt Vương có mười kệ, phân ba: Một có bốn kệ nêu rõ về Báo thân khiến cho Bồ-tát cùng tiến vào pháp giới, hai có bốn kệ hiển bày về Tịnh độ khiến cho người tu tập tiến vào thành tựu quán trí, ba có hai kệ phân rõ về lợi ích Chuyển pháp luân của Phật.

Thứ sáu, Pháp Nghĩa Tuệ Diệm Vương có mười kệ, phân làm bốn: Một có ba kệ tổng quát ca ngợi về người bậc Hạ không đạt tới được, hai có hai kệ ca ngợi về đức rộng lớn, ba có hai kệ hiển bày về đức tướng ấy khó biết, bốn có ba kệ hiển bày về đức là cảnh giới của người thù thắng.

Thứ bảy, Nhứt Thiết Chúng Ma Trí Tràng có mười kệ, trong đó có ba: Một có năm kệ ca ngợi về Pháp thân, hai có hai kệ ca ngợi về Ứng thân, ba có ba kệ ca ngợi về Hóa thân.

Thứ tám, Tịnh Nguyện Trí Tràng Vương có mười kệ, phân làm

hai: Một có chín kệ ca ngợi về tu nhân hạnh, hai có một kệ trình bày về quả thành tựu đầy đủ, tướng còn lại có thể biết.

Thứ chín, Trí Tuệ Thế Vương có mười kệ, phân làm bốn: Một có hai kệ tổng quát ca ngợi về lợi ích của hai nghiệp, hai có hai kệ riêng biệt ca ngợi về lợi ích của thân nghiệp, ba có bốn kệ ca ngợi về lợi ích của khẩu nghiệp, bốn có hai kệ ca ngợi về lợi ích của ý nghiệp.

Thứ mười, Trí Thông Vương có mười một kệ, phân làm ba: Một có một kệ tổng quát ca ngợi về lợi ích được thấy Phật, hai có bảy kệ ca ngợi về đức Từ Bi của Phật, ba có ba kệ phân rõ về thấy nghe được lợi ích. Trong đức Từ Bi có ba: Một kệ đầu trình bày về ý xuất thế, năm kệ tiếp ca ngợi về tướng Từ Bi, một kệ tiếp phân rõ về nguyên cố.

9. Trở lại phân rõ về đức dụng của Định, có hai: Đầu là trường hàng, sau là kệ tụng. Văn trường hàng có sáu: Một, trình bày về ý trở lại; hai, phân rõ về đức dụng của Định là phạm vi của pháp phương tiện; ba, sơ lược nêu ra mười một môn phương tiện để so sánh với sự việc, một môn đầu là tổng quát, mười môn còn lại là riêng biệt về sự việc; bốn, từ “Vị chư Bồ-tát...” trở xuống trình bày vì căn khí mà so sánh đưa ra tướng của pháp; năm, từ “Hà đẳng thập...” trở xuống là phân rõ về công dụng của sự việc thành tựu do Tam-muội, là đích thực chiếu rọi rõ ràng; sáu, từ “Phật tử thử Sư tử...” trở xuống là kết thúc về tóm lược hiển bày về mở rộng.

Trong đoạn thứ năm này, dựa vào một phương tiện để nói về mười loại pháp, mười một phương tiện thì có một trăm mười pháp. Mười pháp sai biệt thế nào? Đó là: 1) Trình bày về Phật phát triển theo thứ tự; 2) Trình bày về phạm vi của nghĩa thường xuyên giảng nói; 3) Phân rõ về thành Phật. Ba loại trên đây thâm nhiếp vào trí Chánh giác. 4) Trình bày về quyến thuộc, tức là chúng sinh thế gian; 5) Trình bày về Hóa thân vô ngại; 6) Phân rõ về trú trì tự tại; 7) Phân rõ về chỗ dựa của công đức; 8) Trình bày về tác dụng thanh tịnh của thần lực; 9) Phân rõ về nguyện Âm thanh; 10) Trình bày đầy đủ về nghĩa Chuyển pháp luân trong ba thế gian. Sáu loại sau nói về đức dụng. Lại ở trong ba loại đầu thuận theo chỗ dựa: Ý có một, thân có một, khẩu có một. Lại một là thân, hai là Dụng, ba là địa vị. Ý còn lại dựa vào văn, theo đó có thể biết.

Văn thứ hai là kệ tụng, có hai: Một có mười câu phân rõ về ý tụng; hai là chính thức tụng. Trong đó có mười kệ rưỡi, tổng quát tụng về mười pháp môn trên đây. Trong đó có ba: Một có sáu kệ chính thức kết luận về nghĩa trước, hai có ba kệ rưỡi trình bày về phạm vi tiến vào của Tín, ba có một kệ kết luận về nguyên cố thành tựu lợi ích.

Trong phần một có sáu kệ: Một kệ đầu là quyền thuộc thanh tịnh, một kệ tiếp là thuyết pháp thanh tịnh, một kệ tiếp là hiển bày hạnh thanh tịnh, một kệ tiếp là chúng vân tập thanh tịnh, một kệ tiếp là hiển bày lý thanh tịnh, một kệ tiếp là soi chiếu rõ ràng thanh tịnh.

Trong phần hai có ba: Một kệ đầu là tổng quát, một kệ rưỡi tiếp là giải thích, một kệ tiếp là phân rõ nguyên cơ, có thể biết.

Hỏi: Vì sao Phổ Hiền trở lại đối chiếu rõ ràng?

Đáp: Người ở quả vị nhập Định hiển bày về pháp là chân thật; nếu người ở nhân vị không chứng được, thì người cùng tu không tiến lên; Phổ Hiền là người ở nhân vị, đối chiếu rõ ràng để dẫn dắt người mới học hướng vào mà thôi. Đây là dựa theo Thể tiến vào. Nếu lúc dựa theo Dụng, thì trở lại đưa ra Dụng để hiển bày về Thể.

Trong phần Chánh thuyết thứ hai, có hai: Một là trình bày Như Lai Đại Bi nhiếp hóa làm cho người tu hành tiến vào pháp giới, tức là Thể của Chánh thuyết; hai từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư-lợi đồng tử...” trở xuống là mở rộng dựa theo Thiện hữu, trình bày về phép tắc nghi thức tiến vào.

Hỏi: Vì sao gia hộ tiến vào pháp giới, không dựa vào phần vị đạt được?

Đáp: Lý thật sự cần phải có hai lực Tự-tha, nay tạm thời dựa vào một tướng, Tự lực dựa vào phần vị, Tha lực là sự gia hộ của Phật.

Cũng có thể một là phân rõ dựa vào Tam-muội đạt được đức của Tự lợi, hai từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là thành tựu đức của Lợi tha, ba từ “Nhĩ thời Văn Thù đồng tử...” trở xuống là phân rõ về hành tướng Lợi tha.

Văn phần một có hai: Một, trình bày về Phật nhập Định, thâm nhiếp người tiến vào pháp giới, có bốn có thể biết. Hai, từ “Nhĩ thời Kỳ lâm đại chúng...” trở xuống trình bày về các Bồ-tát nhờ ánh sáng tiến vào pháp, văn này có sáu:

1) Nhắc lại người tiến vào.

2) Từ “Tất kiến nhất thiết...” trở xuống là được ánh sáng thâm nhiếp lợi ích.

3) Từ “Như thử gian Như Lai...” trở xuống là kết hội bình đẳng, có hai có thể biết.

4) Từ “Nhi bất hoại tam thế...” trở xuống là phân rõ về công dụng lợi ích của thấy, có sáu câu có thể biết.

5) Từ “Kỳ hữu chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về nguyên cơ đạt được lợi ích, có năm câu.

6) Từ “Đãi đắc Như Lai...” trở xuống là mở rộng trình bày về tướng của lợi ích.

Trong phần hai là thâm nhiếp lợi ích, có ba: Một, phân rõ hiển bày về khí thể gian thâm nhiếp lợi ích; hai, từ “Chư Đại Bồ-tát hiện tọa...” trở xuống là trí Chánh giác tự tại thâm nhiếp lợi ích; ba, từ “Hoặc kiến tại Thiên...” trở xuống là chúng sinh thể gian thâm nhiếp lợi ích. Văn này có hai: Một là phân rõ về nơi chốn, hai từ “Hiện chủng chủng...” trở xuống là trình bày rõ ràng về thân tướng, cũng có thể chỉ là mười thân của trí Chánh giác. Nếu dựa vào văn kết luận sau, thì chỉ là quốc độ thể gian và chúng sinh thể gian.

Văn phần sáu là mở rộng về tướng của lợi ích, có hai: Một, đạt được hành Tự lợi; hai, từ “Thời bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về đức Lợi tha. Văn phần một có hai: Một là nêu ra đức, hai từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là nói kệ ca ngợi.

Văn phần một có ba: 1) Nêu ra Thể của thân và tòa ngồi; 2) Từ “Hiện Đại tự tại...” trở xuống là trình bày về đức dụng của chỗ ngồi và thân; 3) Từ “Nhĩ thời bỉ chư Bồ-tát thâm nhập...” trở xuống là đã có bên trong giúp đỡ bên ngoài hiển bày tướng của lợi ích, tùy theo phần Lợi tha.

Văn phần một có hai: a) Nêu ra đức thành tựu thân; b) Từ “Bỉ Sư tử tòa...” trở xuống là trình bày ca ngợi về đức hiện rõ chỗ ngồi.

Văn phần a có bốn: a1) Tổng quát đưa ra Thể đức của Tam-muội; a2) Thứ tự nêu ra mười môn lấy làm đức dụng, tức là mười môn trên đây, văn này có hai có thể biết; a3) Từ “Sở vị chủng chủng...” trở xuống là phân rõ về chỗ dựa của đức; a4) Từ “Đắc thâm nhập Bồ-tát Tam-muội môn...” trở xuống là mở rộng phân rõ về Tam-muội môn trên đây. Cũng chính là pháp đã thành tựu, cũng có thể toàn bộ mười một môn trên đây đều là Công đức môn, phần này có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là dùng mở rộng để hiển bày tóm lược. Trong phần tiếp là riêng biệt tóm lược trình bày một trăm câu về Tam-muội môn. Trong phần sau là mở rộng, có hai: Trước là kết luận thành tựu mở rộng giải thích, tiếp từ “Nhập Như Lai hải...” trở xuống là kết luận về phạm vi của quán, chứng hành trọn vẹn đầy đủ, văn này có hai có thể biết. Trong này, pháp môn Định Tam-muội đều gồm chung một Bộ làm chỗ dựa phát khởi của pháp, phạm vi của tất cả Giải-Hạnh đều dựa theo đây suy nghĩ mà thâm nhiếp. Trong phần b là hiện rõ chỗ ngồi, có hai có thể biết.

Phần hai trình bày về lợi ích đức dụng của chỗ ngồi và thân, có

hai: a) Phân rõ về tướng; b) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận thành tựu đức tướng ca ngợi không thể nào hết được.

Văn phần a có ba: a1) Mười ba câu là đức của hành Tự lợi; a2) Từ “An trú trang nghiêm...” trở xuống là năm mươi bảy câu về hành Lợi tha; a3) Từ “Quyết liễu Như Lai...” trở xuống là hai mươi câu về hành Tự-tha đầy đủ có thể biết.

Phần ba là tướng của lợi ích bên ngoài, có ba: a) Thiết lập, b) Giải thích, c) Kết luận.

Văn phần hai là Văn Thù nói kệ ca ngợi Kỳ lâm hiển bày về chứng chân thật, cho nên Văn Thù nói là làm sáng tỏ về chứng Tuệ thanh tịnh. Sở dĩ không thuộc về Lợi tha, bởi vì sau khi nói làm sáng tỏ Lợi tha, phương tiện vốn khởi lên sau khi nói. Trong mười ba kệ rưỡi: Một là mười hai kệ riêng biệt ca ngợi về Phật và Kỳ lâm, tức là quả; hai từ “Phổ Hiền đẳng Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về khắp nơi quy tụ trang nghiêm, tức là nhân.

Trong phần hai là đức Lợi tha, có ba: Một, phân rõ về quả đức được lợi ích; hai, từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là Thể của hành Lợi tha; ba, từ “Tùy kỳ sở ứng...” trở xuống là phân rõ đối với duyên nhiếp hóa.

Trong phần ba là đối với duyên nhiếp hóa này, có bốn: Một là phân rõ về căn cơ-khí chất, cũng có thể là cơ duyên phỏng theo nhau; hai là trình bày về lợi ích Đồng sinh; ba từ “Hiện bất khả thuyết...” trở xuống là phân rõ về hiện bày pháp môn được lợi ích; bốn từ “Hoặc hiện Thiên cung...” trở xuống là trình bày về hiện tại nhiếp hóa ba thế gian.

Trong phần ba là hiện bày pháp môn, có ba: 1) Hiện bày các môn vui mừng-chán ngán như Vô thường...; 2) Từ “Vị nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về hạnh môn mười Độ; 3) Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là kết luận.

Trong phần hai là mười Độ: Sáu Độ đầu có thể biết; trong bốn Độ sau vì mỗi một thân là Phương tiện độ, từ “Tất năng cúng dường...” trở xuống là Nguyện độ, từ “Tất năng hiển hiện...” trở xuống là Lực độ, từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là Trí độ; sau là kết luận về pháp giới không phải là một.

Phần bốn là ba thế gian, có bốn: 1) Hiện rõ khí thế gian; 2) Từ “Hoặc danh hiệu...” trở xuống là hiện rõ trí Chánh giác; 3) Từ “Hoặc hiện Thanh văn...” trở xuống là hiện rõ chúng sinh thế gian; 4) Từ “Hoặc hiện chủng chủng Sắc thân...” trở xuống là đối với ba thế gian khởi lên tác dụng phương tiện. Văn còn lại có thể biết.

Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư-lợi đồng tử...” trở xuống là phần hai dựa vào Thiện hữu ấy phân rõ về phép tắc nghi thức tu tập tiến vào. Đây là hướng đến cơ phân rõ về quy phạm; nếu hướng đến Tự hành của tri thức thì trước đây dựa vào người ở quả vị đạt được pháp, nay đối với căn cơ khí chất khởi lên tác dụng.

Nay sơ lược chọn lấy trên dưới của kinh này có năm tướng không giống nhau, giữ năm tướng này để phân tích về văn này. Thế nào là năm tướng? Đó là: 1) Tướng hiển bày phần vị tu hành; 2) Tướng hội tụ duyên tiến vào thật; 3) Tướng thâm nhiếp đức thành tựu nhân; 4) Tướng trí soi chiếu không hai; 5) Tướng hiển bày nhân rộng lớn.

Nay ý trong này lấy đức để làm sáng tỏ về người, bởi vì người dẫn dắt người tu hành tiến vào pháp giới. Mở rộng nghiệm xét về các giáo có hai tri thức: Một là người, hai là pháp. Phạm vi có ba: Một, đầu tiên là con người, giáo là giải thích về ngôn từ, xứ là môn phương tiện, con người là mục đích, hỏi đáp... làm sáng tỏ về đức. Hai, nếu như pháp, thì ngôn từ là giải thích về giáo, chung-riêng giống-khác... là quán môn, Trí nhân đã đạt được là mục đích, thông suốt rõ ràng... là đức. Ba, con người và pháp hợp lại trình bày thì quán và giáo là giải thích, chỗ thấy và con người là phương tiện, đạt được pháp là mục đích của thấy, nói về nhân xưa kia và tôn sùng kính trọng... là đức. Rộng ra như chương riêng biệt.

Dựa theo thời gian và phần vị đều khác biệt, con người có năm trong bốn loại ấy, Văn Thù lặp lại điều ấy. Nay nhờ vào pháp tướng hiển bày, cho nên có bấy nhiêu. Nếu dựa theo Chánh-Trợ thì có một trăm mười, nếu dựa theo Thật hạnh thì có ba ngàn Đại thiên vi trần... Sở dĩ Thật hạnh dựa theo ba ngàn Đại thiên vi trần..., là bởi vì muốn trình bày kèm thêm, cho nên dẫn ra căn cơ khác biệt của Tam thừa. Nếu dựa vào Nhất thừa thì không chỉ có bấy nhiêu mà thôi...

Văn này phân ra có năm: Một, bốn mươi một người hiển bày về tướng của phần vị tu hành; hai, Ma-da một người là tướng hội tụ duyên tiến vào thật; ba, Di-lặc một người là tướng thâm nhiếp đức thành tựu nhân, bởi vì hành hợp với lý thành tựu Chánh nhân; bốn, trùng hội Văn Thù một người là dựa vào trí soi chiếu không có hai tướng; năm, Phổ Hiền một người là dựa vào tướng hiển bày nhân rộng lớn. Hai người sau nói về nhân thù thắng. Nay dựa theo ý này, nếu tách biệt thì mỗi một phần vị đều khác nhau, nếu gồm chung thì mỗi một công hạnh đều có. Phần vị tức là Tướng, gồm chung tức là Thế.

Phần một trong bốn mươi một người: Đầu tiên một người dựa vào

mười Tín, tiếp theo mười người dựa vào mười Trú, tiếp theo mười người dựa vào mười Hạnh, tiếp theo mười người dựa vào mười Hồi Hưởng, tiếp theo mười người dựa vào mười Địa. Sở dĩ Văn Thù là thứ nhất, bởi vì ánh sáng trí tuệ dẫn dắt.

Nay dùng năm môn để phân tích:

Một, trình bày về Tăng-tục đều khác nhau: Nếu dựa theo hành tướng thì đều khác biệt chứ không giống nhau. Nếu tổng quát dựa theo tướng thì có mười sáu loại: 1) Bồ-tát; 2) Tỳ-kheo; 3) Tỳ-kheo Ni; 4) Trưởng giả; 5) Ưu-bà-di; 6) Đồng nam; 7) Đồng nữ; 8) Trời; 9) Ngoại đạo; 10) Thầy thuốc; 11) Thuyền trưởng; 12) Bà-la-môn; 13) Vua; 14) Tiên nhân; 15) Mẹ; 16) Phụ nữ.

Hai, trình bày về đồ chúng tu tập tiến vào: Chỉ riêng lúc đầu Văn Thù vốn có các chúng, tiếp theo về sau chỉ có một người.

Ba, phân rõ đến và không đến khác nhau: Đầu tiên Văn Thù đến nơi Thiện Tài, muốn trình bày về sơ cơ không thỉnh mà tự đến, bốn mươi hai vị còn lại trình bày về Thiện Tài đi đến nơi họ, vì căn tánh thù thắng; tiếp đến có Ma-da và Phổ Hiền là hai người, không đi không đến, vì Ma-da là tướng hội tụ, Phổ Hiền là tướng rộng lớn.

Bốn, ca ngợi phát tâm chứ không ca ngợi khác biệt: Đầu là Văn Thù, sau là Phổ Hiền. Văn Thù ở đây không ca ngợi phát tâm, ý có thể biết, cũng có thể ở đây cũng không nhất định trong các tri thức có người không ca ngợi.

Năm, kết thúc quy về có-không: Bốn mươi bốn vị còn lại không có kết thúc quy về, bởi vì hiển bày giáo hóa chưa đến cùng; Phổ Hiền có kết thúc quy về, bởi vì trình bày phần vị giáo hóa đầy đủ. Sở dĩ không hiện rõ phần vị Phật giáo hóa, là bởi vì biểu hiện đến quả vị lìa tướng. Đây là dựa theo Tự hành đã thành tựu. Nếu hưởng về cảnh duyên vào thì như trước có thể biết mà thôi.

Vị tri thức thứ nhất này là Bồ-tát tên gọi Văn Thù tiến vào pháp môn Bồ-đề tâm. Thứ nhất là Văn Thù, vẫn có ba: Một, trình bày về Văn Thù và quyến thuộc từ già rút lui đi về phương Nam để mà hóa duyên, sở dĩ từ già thuận theo Phật ra đi là bởi vì trình bày về quả Bi che phủ phía dưới. Hai, từ “Nhĩ thời Tôn giả Xá-lợi-phát...” trở xuống là đối với duyên nhiếp hóa. Ba, từ “Nhĩ thời Văn Thù tri Thiện Tài...” trở xuống là trình bày về phần vị của mình đầy đủ tiến vào cảnh giới thù thắng. Văn phần một có bốn có thể biết.

Văn phần hai là nhiếp hóa, có ba: Một là giáo hóa dẫn dắt Thanh văn, tức là rời bỏ Tiểu tiến vào Đại; hai từ “Nhĩ thời Văn Thù Bồ-tát

kiến lập...” trở xuống là thâm nhiếp các chúng loài rồng; ba từ “Thời Giác thành nhân văn...” trở xuống là thâm nhiếp giáo hóa mọi người.

Văn phần một có bốn: 1) Xá-lợi-phất là biểu thị cho trí thuận theo giáo hóa; 2) Từ “Thử lục thiên Tỳ-kheo...” trở xuống là biểu thị cho căn cơ đã thâm nhiếp; 3) Từ “Nhĩ thời Tôn giả Xá-lợi-phất...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy tướng hồi tâm; 4) Từ “Thời chư Tỳ-kheo bạch Tôn giả...” trở xuống là mong cầu đi vào thắng tiến. Văn phần 1 có hai có thể biết. Văn phần hai là căn cơ có năm có thể biết.

Văn phần ba là nhìn thấy tướng phát tâm, có ba: a) Nhận biết Đại chúng; b) Chỉ rõ tướng của sự việc ấy; c-Từ “Nhĩ thời Tôn giả tán thuyết...” trở xuống là trình bày về thuận theo giáo hóa được lợi ích.

Văn phần b là chỉ rõ tướng, có hai: b1) Chỉ rõ lực công đức của mình; b2) Từ “Hải trí nãi chí nhất thiết Như Lai...” trở xuống là phân rõ về sự gia trì của bậc Thượng nhân.

Văn phần bốn là mong cầu đi vào thắng tiến, có năm: a) Thấy thù thắng mong cầu tiến vào, có hai có thể biết; b) Từ “Văn Thù hiện Tượng vương hồi...” trở xuống là duyên khí tương ứng trong thắng tiến, có ba có thể biết; c) Từ “Nhĩ thời Văn Thù cáo chư Tỳ-kheo...” trở xuống là trình bày về đối với cơ trao cho pháp hành của mười Tín; d) Từ “Bỉ chư Tỳ-kheo...” trở xuống là nghe pháp được lợi ích; e) Từ “Nhĩ thời Văn Thù khuyến chư Tỳ-kheo...” trở xuống là chỉ ra giáo thuộc Giải-Hạnh to lớn, có hai: e1) Tổng quát khiến cho đạt được hạnh và phần vị của Phổ Hiền; e2) Từ “Bỉ chư...” trở xuống là riêng biệt phân rõ có thể biết.

Văn phần c là trao cho pháp, có ba: c1) Đưa ra lợi ích khai mở mười số thiết lập tông chỉ; c2) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt giải thích; c3) Từ “Nhược thiện nam tử...” trở xuống là đưa ra lợi ích khuyến khích tu tập mà thôi.

Văn phần d là nghe pháp được lợi ích, có ba: d1) Tổng quát đạt được môn Tam-muội; d2) Từ “Tất kiến...” trở xuống là dựa vào Định mà hiện bày sự việc; d3) Từ “Đắc thử Tam-muội...” trở xuống là mở rộng phân rõ về lợi ích.

Trong phần d2 do Định mà hiện bày sự việc, có ba: d2a) Thấy Y-Chánh của Phật; d2b) Thấy Phật Chuyển pháp luân; d2c) Từ “Hựu năng tri bỉ...” trở xuống là thấy biết về sự việc sai biệt của quả đức ba đời. Đây đều là do văn hạn hẹp, không có thể theo thứ tự, có thể biết.

Văn phần hai là thâm nhiếp các chúng loài rồng, trong đó có bốn: 1) Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; 2) Trình bày về nơi chốn thù thắng; 3) Thuyết pháp; 4) Đến với cơ nhiếp hóa có thể biết.

Văn phần ba là thâm nhiếp Thiện Tài, có ba: 1) Người ở thành Giác nghe đi đến hóa độ; 2) Nêu ra số người, bốn chúng tức là bốn; 3) Từ “Nhĩ thời Văn Thù tri chúng tập...” trở xuống là trình bày đối với cơ trao cho thuốc.

Văn này có hai: a) Tổng quát khiến cho sinh Tín; b) Từ “Quán sát Thiện Tài...” trở xuống là riêng biệt thuộc về cơ thù thắng. Văn này có hai: b1) Ca ngợi về đức; b2) Từ “Văn Thù Bồ-tát...” trở xuống là thuyết giảng về Phật pháp thắng tiến, văn có hai có thể biết. Văn phần b1 có hai: Đầu là hỏi; sau là đáp. Văn đáp có hai: Một là ca ngợi hiển bày về đức, hai từ “Thử Thiện Tài giả...” trở xuống là ca ngợi hành đức của quá khứ.

Văn phần ba là tiến lên mong cầu cảnh giới thù thắng, có ba: 1) Văn Thù đi về phương Nam dẫn dắt sinh ra mong muốn thù thắng; 2) Từ “Thiện Tài tùy tùng Văn Thù...” trở xuống là trình bày về nguyện mong cầu tiến; 3) Từ “Nhĩ thời Văn Thù như Tượng vương hồi...” trở xuống là hướng đến mong muốn khen ngợi chỉ dạy khiến cho tiến vào phần vị thù thắng, lúc này hãy còn ở trong mười Tín.

Văn phần hai là nguyện mong cầu tiến, có hai: a) Một ít trường hàng nhắc lại phần trước sinh khởi phần sau; b) Chính thức kệ tụng. Văn tụng có ba mươi bốn kệ, có hai: Một là bốn kệ trình bày về mê lạc từ vô thủy đến nay, hai có ba mươi kệ thỉnh cầu rủ lòng cứu giúp. Văn phần một có hai: Hai kệ đầu phân rõ về Thể của Hoặc, hai kệ sau trình bày về sai lầm. Trong ba mươi kệ sau tức là ba mươi sự việc, trong đó đều có hai: Ba câu đầu ca ngợi về đức, một câu sau thỉnh cầu dẫn dắt.

Trong phần ba là hướng đến mong muốn khen ngợi chỉ dạy, có hai: a) Trường hàng; b) Kệ tụng. Văn trường hàng có hai: Đầu là khen ngợi, tiếp từ “Thị cố...” trở xuống là chỉ dạy. Văn đầu có ba, văn thứ hai có hai có thể biết. Trong phần b là kệ tụng, có hai: Đầu là trường hàng sinh khởi, sau là kệ tụng. Tụng có mười kệ phân làm năm: Hai kệ đầu chính thức khen ngợi Thiện Tài có thể có Đại tâm, tiếp một kệ nêu ra Bồ-tát khác để hiển bày thành tựu, tiếp một kệ trở lại tổng quát khen ngợi Thiện Tài, tiếp năm kệ đưa ra năm nghĩa khen ngợi về đức của Thiện Tài, tiếp một kệ đưa ra lợi ích để khen ngợi.

Từ đây trở xuống là tiến vào phần vị mười Trú, toàn bộ đưa ra ba môn để phân tích, một phương vốn có mở rộng và hạn chế thuận theo nhân quả.

Một, Văn Thù có Đông-có Nam, tiếp đến hai mươi bảy vị như Công Đức Vân... và thứ hai mươi chín là Đại Thiên cho đến Di-lặc là hai

mười chín người đều nói Nam phương; Hồi Hưởng thứ tám nói là Đông phương, Hồi Hưởng thứ mười và mười Địa không nói Nam phương, tất cả đều có nơi chốn khác nhau. Sau Ma-da, Văn Thù có chỉ rõ-không có phương hướng, Phổ Hiền không có chỉ rõ-không có phương hướng. Sở dĩ như vậy là bởi vì Nam dùng để biểu thị cho Chánh, Đông là biểu thị cho phát sinh Giác ngộ. Văn Thù về trước là Sơ Tín giác ngộ về lý cho nên có Đông, thẳng tiến thuận với Chánh cho nên có Nam; tiếp đến hai mươi tám vị như Công Đức Vân... biểu thị chưa chứng lý, bởi vì từ xa có tương ứng cho nên nói là Nam; tiếp theo mười một vị đạt được lý và hợp với hành tướng cho nên biểu thị tùy duyên hiện bày; tiếp theo một vị là tướng hội tụ tiến vào thật, cho nên không nói đến phương hướng; tất cả đều đối với tướng phương tiện cho nên chỉ ra. Tiếp theo một vị biểu thị kết thúc phần vị của nhân thuận với quả, cho nên chỉ rõ là Nam. Tiếp theo một vị biểu thị về cảnh của trí thù thắng cho nên chỉ ra, lia chấp thủ cho nên không có phương hướng. Tiếp theo một vị là Đại cho nên không thể nào chỉ ra, cùng khắp cho nên không thể nào hạn chế trong phương hướng.

Hai, phân rõ về tướng chỉ dạy hỏi han, trừ bỏ già từ, đạt được rời bỏ, tu tập hiểu rõ, tiến lên trên cao. Không loại trừ là nghĩa về lợi ích nhỏ bé, lại làm sáng tỏ chỉ có mình là thiện, có lỗi lầm như vậy. Thiện Tài không già từ tức là mất đi vẻ đẹp tiến lên trên cao nghe điều khác lạ. Ban đầu Văn Thù tự đến, bởi vì không có người chỉ dạy hỏi han, cũng không có người già từ hướng về; trong Phổ Hiền cũng không có người già từ hướng về, ý có thể biết.

Ba, phân rõ về phần lượng sâu cạn, mở rộng và không mở rộng khác nhau. Bốn mươi một vị trước đều có kết thúc-có mở rộng, Di-lặc về sau đều không có kết thúc-không có mở rộng, ý có thể biết. Ngay trong mỗi một tri thức, hiển bày về pháp có nhiều môn không nhất định, đối chiếu với văn là biết.

Nay ở đây là mười Tri thức đang ở phần vị Thập Trú.

Tri thức thứ nhất là Tỳ-kheo Công Đức Vân đang ở phần vị Phát Tâm Trú (Trú thứ nhất), tiến vào Tam-muội Phổ Hiền Quang Minh Quán Sát Chánh Niệm Chư Phật, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy thẳng tiến, tức là Văn tuệ; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào, tức là Tư tuệ; ba từ “Thời bĩ Tỳ-kheo...” trở xuống là đạt được pháp ấy cho nên gọi là chứng pháp giới, tức là Tu tuệ. Trong này, nơi chốn và tên người... đều thuận theo nghĩa tướng của phần vị lúc ấy mà được tên gọi, đến văn thích hợp tùy theo nghĩa làm mất dần đi.

Văn phần một có bốn: Một, nơi chốn như Nam phương...; hai, từ “Hữu nhất Tỳ-kheo...” trở xuống là tên người; ba, từ “Nhữ nghệ bỉ vấn...” trở xuống là chỉ dạy đạt được; bốn, từ “Bỉ Tỳ-kheo...” trở xuống là ca ngợi về đức. Đây là bắt đầu giải thoát (xuất ly) cho nên hiện bày hình tướng Tỳ-kheo.

Văn phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có sáu: Một, già từ đi đến; hai, chính thức hướng đến cảnh thù thắng; ba, từ “Ưu bỉ sơn trung...” trở xuống là theo lời dạy chọn lựa; bốn, từ “Kiến bỉ...” trở xuống là theo lời dạy thấy lý đạt được cảnh tương tự; năm, từ “Trì nghệ...” trở xuống là dựa vào mong cầu tiến vào phân rõ nghi thức cung kính; sáu, thưa hỏi.

Văn phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, văn này trên dưới có bốn loại Chứng: Một, A-hàm dựa theo phần vị mà Chứng; hai, Giải thoát mà Chứng; ba, Chính thức mà Chứng; bốn, quả trên gia hộ cho dưới mà Chứng. Lại có mười loại Chứng Nhập, nói như phẩm Ly Thế Gian, suy nghĩ có thể hiểu.

Trong văn có ba: 1) Tổng quát khen ngợi về người chủ động hỏi; 2) Từ “Ngã ư giải thoát lực...” trở xuống là nói về pháp môn đã đạt được thuộc Tự phần; 3) Từ “Khởi năng liễu...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Văn phần một có hai: a) Tổng quát; b) Từ “Như thị sự...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi về người chủ động hỏi. Trong phần riêng biệt có chín câu, câu thứ nhất ở đây tức là câu thứ ba của phần chỉ dạy hỏi han ở trên, câu thứ hai ở đây tức là câu thứ hai ở trên, câu thứ ba ở đây tức là câu thứ năm ở trên, câu thứ tư ở đây tức là câu thứ sáu ở trên, câu thứ năm ở đây tức là câu thứ mười ở trên, câu thứ sáu ở đây tức là câu thứ tư ở trên, câu thứ bảy ở đây tức là câu thứ tám ở trên, câu thứ tám ở đây tức là câu thứ chín ở trên, câu thứ chín ở đây tức là câu thứ bảy ở trên. Chín câu này khen ngợi chung về phần tổng quát trên đây mà thôi.

Trong văn phần hai là nói về Tự phần, có ba: a) Phân rõ về Thể của pháp môn; b) Từ “Hoặc kiến Đông phương...” trở xuống là phân rõ về tướng Dụng của pháp môn, có bốn có thể biết; c-Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi của Tự phần. Văn phần a có bốn: a1) Tổng quát phân rõ về Thể; a2) Từ “Đãi đắc...” trở xuống là trình bày có sự thành tựu; a3) Từ “Phổ chiếu...” trở xuống là phân rõ về tướng của lợi ích; a4) Từ “Nhất thiết Phật hóa...” trở xuống là thành tựu phần trước phát khởi phần sau.

Văn phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: a) Tổng quát về già từ;

b) Từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về tướng thù thắng; c) Từ “Đắc hư không giới...” trở xuống là kết luận. Trong phần riêng biệt là hai mươi câu về Niệm Phật Tam-muội.

Hỏi: Tôn sùng ngưỡng mộ có nghĩa gì?

Đáp: Có hai nghĩa, một là trình bày về đức cao xa của phần vị khác, hai là dựa theo nơi khác hiển bày về phạm vi sâu rộng thuộc đức của mình mà thôi.

Tri thức thứ hai tức là Bồ-tát Trị Địa Trú (Trú thứ hai), Tỳ-kheo tên gọi Hải Vân, tiến vào pháp môn Phổ Hiền: Một là chỉ dạy khuyến khích tiến vào thù thắng, hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Nhĩ thời Hải Vân...” trở xuống là chứng pháp giới.

Văn phần một có bốn: Một, nêu rõ nơi chốn; hai, tên gọi con người; ba, chỉ dạy hỏi han; bốn, ca ngợi về đức.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, giả từ rút lui; hai, từ “Nam hành...” trở xuống là nghe theo tiến vào; ba, do niệm giữ gìn mà đạt được; bốn, nơi nương tựa là nước Hải Môn; năm, từ “Nghệ...” trở xuống là thấy tướng; sáu, từ “Đầu diện lễ...” trở xuống là tướng cung kính; bảy, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là giảng giải xong mà đạt được; tám, từ “Nhi vị tri...” trở xuống là thưa hỏi. Trong phần hỏi: Bảy câu đầu là hành thuộc Tự phần, năm câu tiếp là hành thuộc Lợi tha.

Ba từ “Cáo...” trở xuống là trong phần chính thức chứng pháp giới, có ba: Một, khen ngợi người chủ động thưa hỏi; hai, từ “Ngã trú thử...” trở xuống là nói về hành tướng của Tự phần; ba, từ “Khởi năng...” trở xuống là tôn kính ngưỡng mộ về đức thù thắng.

Văn phần một có hai: a) Tổng quát khen ngợi có ba có thể biết; b) Từ “Đắc Phổ Môn...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi về đức của Thiện Tài, có hai: b1) Tự lợi; b2) Từ “Đại Bi cứu hộ nhất thiết...” trở xuống là Lợi tha, tướng còn lại có thể biết.

Trong phần hai là pháp môn của Tự phần, có bốn: a-Trình bày về nhân duyên đạt được pháp; b-Từ “Thời bỉ Như Lai...” trở xuống là quả đức thâm nhiếp lợi ích; c-Từ “Kỳ hữu thập phương...” trở xuống là trình bày về đức Lợi tha; d-Kết luận về tên gọi của pháp.

Văn phần a có năm: a1) Đích thực suy ngẫm có ba có thể biết, trong câu thứ hai một câu là tổng quát, mười câu là riêng biệt, riêng biệt ở đây tức là quay lại biểu sự làm tướng của Thập Địa; a2) Từ “Tác thị niệm dĩ tức kiến...” trở xuống là thấy pháp môn duyên khởi; a3)

Từ “Bách vạn A-tu-la...” trở xuống là hạnh bảo vệ bên ngoài (ngoại hộ); a4) Từ “Bảo Hoa Phật...” trở xuống là nhân hạnh tập khởi; a5) Từ “Kiến bỉ hoa thượng...” trở xuống là thấy tướng thù thắng ấy. Trong phần bảo vệ bên ngoài có hai mươi câu, con người và vật báu là hai mà thôi. Trong phần thấy tướng thù thắng có hai mươi câu.

Trong phần b là quả đức thâm nhiếp: b1) Chính thức gia hộ thâm nhiếp. b2) Đạt được lợi ích, có ba: Một là ca ngợi về đức của kinh, hai là thọ trì, ba từ “Giả sử...” trở xuống là so sánh công đức mà thôi.

Văn phần ba là tôn kính ngưỡng mộ: a) Tổng quát; b) Văn hỏi; c) Riêng biệt mở rộng phân rõ có thể biết.

Tri thức thứ ba là Bồ-tát Tu Hành Trú (Trú thứ ba), Tỳ-kheo tên gọi Thiện Trú, tiến vào pháp môn Bồ-tát Vô Ngại, khuyến khích chỉ dạy... có ba phần giống như trước.

Văn phần một có ba: Một, nêu rõ nơi chốn; hai, nêu rõ tên gọi con người; ba, chỉ dạy hỏi han.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ; hai, nghĩ đến pháp đã đạt được; ba, tiến vào phương tiện; bốn, theo lời dạy lựa chọn; năm, thấy biết về tướng của nghĩa; sáu, từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là nghi thức cung kính; bảy, hỏi và ca ngợi có hai có thể biết.

Ba là trong phần chứng nhập, có ba: Một, khen ngợi phát tâm; hai, từ “Ngã dĩ thành...” trở xuống là nói đã đạt được pháp của Tự phần; ba, từ “Vân hà năng thuyết...” trở xuống là mở rộng thù thắng.

Trong phần hai là nói về Tự phần, có bốn: a) Phân rõ về Thể của pháp; b) Từ “Ngã đắc thử thân thông biến...” trở xuống là phân rõ về tác dụng của pháp ấy, có ba có thể biết; c) Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về hạnh nhiếp hóa; d) Từ “Ngã duy tri thử...” trở xuống là kết luận về phạm vi.

Phần a là pháp môn, có ba: a1) Phân rõ về Thể; a2) Từ “Ngã dĩ tu tập nãi chí đắc tuệ quang...” trở xuống là phân rõ về đức; a3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là phân rõ về thành tựu. Trong phần ba là mở rộng thù thắng: Một là hai mươi câu phân rõ về đức; hai từ “Bồ-tát hữu như thị đẳng...” trở xuống là dùng tóm lược để làm rõ về mở rộng.

Tri thức thứ tư là Bồ-tát Sinh Quý Trú (Trú thứ tư), Lương y tên gọi Di-già, tiến vào pháp môn Sở Ngôn Bất Hư: Một là chỉ dạy khuyến khích; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Lương y...” trở xuống là chính thức tiến vào Chứng.

Văn phần một có ba: Không có sự ca ngợi về đức. Hai là trong

phần theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ tiến lên; hai, từ “Nhĩ thời nhất tâm...” trở xuống là nghĩ đến pháp môn trước đây khiến cho thành tựu đầy đủ; ba, từ “Tiệm chí...” trở xuống là tiến lên hưởng về phần thù thắng; bốn, từ “Nhập Chúc Dực thành...” trở xuống là theo lời dạy lựa chọn; năm, thấy tướng; sáu, nghi thức cung kính; bảy, thưa hỏi, có hai có thể biết.

Ba là trong phần chính thức tiến vào, có ba: Một, khen ngợi phát tâm; hai, từ “Nhĩ thời Lương y xứng dương...” trở xuống là nói về pháp của Tự phần; ba, từ “Vân hà năng thuyết...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ về phần thù thắng.

Văn phần một có năm: a) Xét kỹ về phát tâm; b) Trình bày về trả lời; c) Lễ bái cúng dường; d) Từ “Kính trọng...” trở xuống là ca ngợi công đức phát tâm; e) Từ “Đương tri Bồ-tát...” trở xuống là gồm chung ca ngợi về đức giáo hóa của Bồ-tát.

Trong phần d là mở rộng ca ngợi về phát tâm, có bốn: d1) Tổng quát ca ngợi; d2) Từ “Thiện nam tử nhược hữu...” trở xuống là gồm chung ca ngợi về công năng phát tâm; d3) Phật và Bồ-tát gia hộ, chư Thiên đều cúng dường; d4) Từ “Bỉ vi an úy...” trở xuống là phân rõ về ý hộ niệm.

Trong phần hai là nói về pháp của Tự phần, có bốn: a) Trình bày về miệng phát ra ánh sáng quy tụ chúng; b) Từ “Thời bỉ Lương y...” trở xuống là mở rộng phân rõ về pháp môn trí tuệ; c) Từ “Sở ứng tác dĩ...” trở xuống là thâm nhiếp nghi thức quy về nguồn gốc, có ba: c1) Quy về, c2) Nói về tên gọi của pháp môn; c3) Trình bày về đức dụng; d) Trong phần kết luận tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: d1) Tổng quát; d2) Từ “Bỉ chư...” trở xuống là riêng biệt.

Tri thức thứ năm là Bồ-tát Phương Tiện Cụ Túc Trú (Trú thứ năm), Trưởng giả tên gọi Giải Thoát, tiến vào pháp môn Như Lai Nhất Thiết Vô Ngại Trang Nghiêm, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Thời Giải Thoát Trưởng giả...” trở xuống là phân rõ chính thức Chứng pháp giới.

Văn phần một có ba: Một là nêu rõ nơi chốn; hai là nêu rõ tên gọi; ba là khuyến khích chỉ dạy hỏi han.

Hai là trong phần tiến vào, có tám: Một, tin đức mà già từ đi đến; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây; ba, từ “Như thị niệm...” trở xuống là tiến lên hưởng về phương tiện; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là theo lời dạy lựa chọn; năm, thấy tướng; sáu, cung kính; bảy, nghĩ đến; tám,

từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi.

Trong phần hỏi, có ba: a-Trình bày về mong muốn của mình; b-Từ “Bạch ngôn ngã văn Đại Thánh...” trở xuống là ca ngợi về đức; c-Từ “Duy nguyện dĩ...” trở xuống là chính thức thưa thỉnh.

Văn phần a có ba: a1) Mười lăm câu đầu là cầu pháp của quả; a2) Từ “Dục dữ nhất thiết...” trở xuống là mười bốn câu cầu pháp của nhân; a3) Từ “Dục mãn...” trở xuống là pháp đã tu hành của Tự phần.

Ba là trong phần chính thức Chứng, có hai: Một, nói về pháp đã đạt được của mình; hai, từ “Hà năng...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Văn phần một có ba: a) Trình bày về pháp đạt được; b) Từ “Đắc thử pháp môn...” trở xuống là phân rõ về pháp môn đã hiện rõ sự việc; c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận hiểu về phạm vi.

Văn phần a có ba: a1) Phân rõ về nhập Định và nhân duyên; a2) Từ “Nhập dĩ dĩ...” trở xuống là trình bày về công đức của Định; a3) Từ “Tùng khởi...” trở xuống là phân rõ về tên gọi của pháp môn.

Trong phần b là pháp môn đã hiện rõ sự việc, có hai: b1) Dựa theo Tự-tha đối lập với nhau; b2) Từ “Tri nhất thiết Phật cập dữ...” trở xuống là tâm-cảnh đối lập với nhau.

Văn phần b1 có hai: Đầu là tóm lược, sau là mở rộng, đều có ba có thể biết.

Trong phần b2 là tâm-cảnh, có hai: Đầu là dựa theo Chân, tiếp từ “Thiện nam tử đương tri...” trở xuống là dựa theo Tục, cũng đều có hai, trước là thiết lập, sau là khuyến khích có thể biết.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt có thể biết.

Tri thức thứ sáu là Bồ-tát Chánh Tâm Trú Vị (Trú thứ sáu), Tỳ-kheo tên gọi Hải Tràng, tiến vào pháp môn Phổ Nhân Xả Đắc, cũng gọi là Thanh Tịnh Quang Minh Bát-nhã Ba-la-mật Cảnh Giới, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là Tam-muội Chánh thọ.

Văn phần một có ba: Một là nêu rõ nơi chốn; hai là nêu rõ tên gọi của người; ba là chỉ dạy hỏi han.

Hai là trong phần tiến vào, có năm: Một, nghi thức cung kính nghĩ đến đức; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây, có hai có thể biết; ba, từ “Tiệm thú...” trở xuống là tiến lên hương về phần thù thắng; bốn, thấy được phương tiện; năm, từ “Châu biến...” trở xuống là theo lời dạy lựa chọn.

Ba là trong phần chính thức Chứng, có hai: Một, trình bày về pháp của Tự phần; hai, từ “Vân hà năng thuyết...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ về phần thù thắng.

Vấn phần một có năm: a) Nêu ra Thể của pháp môn; b) Từ “Thiện Tài thần vị tăng hữu...” trở xuống là ca ngợi về công đức; c) Từ “Thử Định danh hà đẳng...” trở xuống là hỏi về tên gọi của pháp môn, có hai văn hỏi-đáp, trong đáp có hai văn về danh nghĩa nhân quả; d) Từ “Duy hữu thử...” trở xuống là phân rõ về tác dụng của công đức, có hai có thể biết; e) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận.

Vấn phần a có bốn: a1) Phân rõ về Thể của pháp môn; a2) Từ “Tùng kỳ tức dĩ...” trở xuống là trình bày về hiện thân thâm nhiếp, ánh sáng của thân có mười lăm chỗ thay đổi, các Như Lai ấy Phật trên đỉnh mà thôi; a3) Từ “Thiện Tài nhất tâm...” trở xuống là phân rõ về nhiếp pháp tương ứng; a4) Xả thuận theo Định phát khởi.

Trong phần b là ca ngợi công đức của Tam-muội, có hai: b1) Mười một câu đầu ca ngợi về đức của Định; b2) Từ “Đại Thánh nãi chí nhập thử Tam-muội...” trở xuống là ca ngợi tác dụng của Định ấy.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Hỏi: Bồ-tát đã có đầy đủ công đức đâu cần phải tôn sùng ngưỡng mộ?

Đáp: Điều này có hai ý, một là dựa vào phần vị không giống nhau, vì vậy cần phải tôn sùng; hai là dựa vào môn Tam-muội khác biệt, cho nên phát sinh mong muốn thù thắng.

Tri thức thứ bảy là Bồ-tát Bất Thối Trú (Trú thứ bảy), Ưu-bà-di tên gọi Hưu Xả, tiến vào pháp môn Ly Ưu An Ấn Tràng, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Vấn phần một có ba: Một là nêu rõ trú xứ; hai là nêu rõ tên gọi của người; ba là chỉ dạy hỏi han.

Hai là trong phần tiến vào Tín lượng, có tám: Một, đạt được lợi ích già từ rút lui; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây; ba, từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là tiến lên hưởng về phần vị thù thắng; bốn, đạt được tướng phương tiện; năm, từ “Kiến Phổ Trang Nghiêm viên...” trở xuống là thấy tướng, phần này có ba, một là thấy tướng thô của Y báo, hai từ “Nhĩ thời Hưu Xả...” trở xuống là thấy tướng vi tế của Chánh báo, ba từ “Kỳ hữu...” trở xuống là ca ngợi về đức; sáu, từ “Nhĩ thời Thiện Tài...”

trở xuống là xét kỹ về pháp có hai câu; bảy, từ “Vãng nghệ...” trở xuống là phân rõ về tướng cung kính; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi. Trong vườn có mười hai sự việc, như cây thẳng hàng...

Trong phần ba là chính thức Chứng nhập, có hai: Một, trình bày về pháp môn của Tự phần; hai, từ “Chư Đại Bồ-tát kỳ tâm như hải...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ về phần thù thắng.

Văn phần một có bốn: a) Phân rõ về tác dụng của pháp môn; b) Từ “Phát tâm vi cứu như...” trở xuống là hỏi về nhân duyên xa gần; c) Từ “Thử pháp danh hà đẳng...” trở xuống là hỏi về tên gọi có được, có hai câu; d) Kết luận.

Văn phần a có bốn: a1) Từ “Ngã duy thành...” là một câu trình bày về phạm vi của Chứng; a2) Từ “Nhược kiến văn...” trở xuống là trình bày về tác dụng lợi ích của công năng, có ba câu; a3) Từ “Đồng phương...” trở xuống là phân rõ về quả đức của Phật lợi ích khắp mọi chúng sinh, có hai có thể biết; a4) Từ “Ngã thử Đại chúng...” trở xuống là phân rõ về thành tựu hạnh quyển thuộc, có hai có thể biết.

Trong phần b là nhân duyên xa gần, có hai: b1) Hỏi đáp về nhân duyên đạt được pháp; b2) Từ “Cứu như đương thành...” trở xuống là hỏi đáp về thành Phật xa gần.

Trong phần đáp về xa gần, có ba: Đầu là trình bày về tu tập không dựa vào thời tiết, tiếp từ “Dục hóa nhất thiết...” trở xuống là tu tập hợp với pháp giới, sau là kết luận.

Trong phần đầu có mười bốn câu đều là phần hạn chế. Trong phần tiếp là tu tập hợp với pháp giới có mười ba câu.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, đầu là tổng quát đưa ra, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận có thể biết.

Tri thức thứ tám là Bồ-tát Đồng Chân Trú (Trú thứ tám), Tiên nhân tên gọi Tỳ Mục Đa La, tiến vào pháp môn Bồ-tát Vô Hoại Tràng Trí Tuệ, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Thời bỉ Tiên nhân...” trở xuống là phân rõ về Hiện lượng Chứng.

Văn phần một có bốn: Một là nêu rõ nơi chốn; hai là nêu rõ tên gọi của người; ba từ “Thiện năng...” trở xuống là ca ngợi về đức; bốn từ “Nhữ nghệ...” trở xuống là chỉ dạy hỏi han.

Hai là trong phần theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, phân rõ về cung kính già từ rút lui; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây, có nghĩa về giáo, phân làm hai có thể biết; ba, từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là phân rõ phương tiện tiến lên hưởng về; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống

là theo lời dạy lựa chọn; năm, thấy tướng thô của Y báo là vườn rừng; sáu, từ “Nhĩ thời kiến bỉ Tiên nhân...” trở xuống là thấy tướng vi tế của Chánh báo; bảy, từ “Vãng nghệ...” trở xuống là nghi thức cung kính, có ba có thể biết; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức Chứng nhập, có ba: Một, ca ngợi về phát tâm; hai, trình bày về pháp môn của Tự phần; ba, tôn sùng ngưỡng mộ về phần thù thắng.

Phần một “Thời bỉ Tiên nhân...” là ca ngợi về công năng phát tâm. Trong văn này có ba: a) Mười câu đầu ca ngợi về đức Lợi tha của Thiện Tài; b) Từ “Đại chúng các trì...” trở xuống là Đại chúng rải hoa cúng dường ca ngợi Thiện Tài; c) Từ “Cáo Đại chúng...” trở xuống là kết luận ca ngợi công năng của phát tâm.

Văn phần hai là Tự phần, có bốn: a) Phân rõ về Thể của pháp môn; b) Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về phạm vi tác dụng tự tại của pháp môn, có hai văn hỏi đáp; c) Từ “Phóng Thiện Tài thủ...” trở xuống là trở về trú trong Tự phần có hai, đầu là buông ra, tiếp là hỏi đáp xét kỹ về pháp; d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi của pháp môn.

Phần b là phạm vi tự tại của pháp môn, trong phần đáp có ba: b1) Tay của tri thức gia hộ nhìn thấy cõi Phật ở mười phương, nghe pháp tu hành, có hai có thể biết; b2) Từ “Hoặc tự kiến...” trở xuống là thời tiết tu hành không giống nhau; b3) Từ “Thiện Tài vi vô hoại...” trở xuống là trình bày nhờ mười pháp soi chiếu đạt được mười Tam-muội.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: Đầu là tổng quát đưa ra, tiếp là riêng biệt, sau từ “Ngã khởi năng...” trở xuống là kết luận.

Tri thức thứ chín là phần vị Bồ-tát Pháp Vương Tử Trú (Trú thứ chín), Bà-la-môn tên gọi Phương Tiện Mạng, tiến vào pháp môn Bồ-tát Vô Tận, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào Chứng.

Văn phần một có ba: Một là nói về nơi chốn-tên gọi của người-chỉ dạy hỏi han...

Hai là trong phần tiến vào, có sáu: Một, giả từ tiến lên; hai, trình bày về nghĩ đến pháp môn đạt được trước đây; ba, trình bày về nơi đã đến; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là theo lời dạy lựa chọn; năm, cung kính lễ lạy, có hai có thể biết; sáu, trình bày về thưa hỏi.

Ba là trong phần tiến vào Chứng, có hai: Một, trình bày về pháp

môn của Tự phần; hai, từ “Minh tịnh Pháp Vương...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Văn phần một có sáu: a) Nêu ra Tự phần hiện có pháp môn để khuyến khích tu hành; b) Từ “Thiện Tài tác thị niệm...” trở xuống là trình bày về đối với pháp sinh tâm nghi ngờ; c) Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là chư Phật Bồ-tát đều gia hộ khuyến khích trừ bỏ nghi ngờ; d) Từ “Đồng tử văn kỳ đặc...” trở xuống là nghe pháp hoan hỷ hối lỗi trừ bỏ nghi ngờ; e) Từ “Đăng đao sơn...” trở xuống là như thuyết tu hành, có hai câu có thể biết; f) Từ “Ngã duy thành thử đẳng...” trở xuống là kết luận về tên gọi của pháp môn.

Trong phần b là sinh tâm nghi ngờ, có hai: b1) Mười hai câu đầu là sinh tâm nghi ngờ ở trong pháp của Tự phần; b2) Từ “Tương phi ma...” trở xuống là sinh tâm nghi ngờ trong pháp thuộc phần thù thắng.

Trong phần c là chư Phật Bồ-tát đều gia hộ khuyến khích, có ba: c1) Hiện rõ trời cõi Sắc để khuyến khích; c2) Hiện rõ sáu trời ở cõi Dục cùng khuyến khích; c3) Hiện rõ tám bộ trời rồng để khuyến khích.

Khuyến khích trong phần c1 có ba: Một là tổng quát ngăn lại dừng nghi ngờ; hai từ “Thử thị Đại Thánh...” trở xuống là ca ngợi về đức; ba từ “Thời chư Thiên...” trở xuống là đưa ra lợi ích người khác để khuyến khích. Thiên là trời Sơ Thiên, Tự Tại là trời Sắc Cứu Cánh.

Phần d là hối lỗi, văn có ba: d1) Đối với Bà-la-môn khởi tâm Thiện tri thức; d2) Từ “Đầu diện...” trở xuống là trình bày về hối lỗi; d3) Bà-la-môn nói kệ, vì tiếp nhận sự sám hối ấy mà giảng giải khuyên bảo. Trong kệ, một kệ đầu là khuyến khích thuận theo giáo trừ bỏ chướng ngại, một kệ tiếp là khuyến khích khiến cho thành tựu hạnh. Lại trong các Tri thức này, ba người là đạo hạnh trái ngược, một người là Phương Tiện Mạng hiện rõ tướng ngu si, Bà-tu-mật hiện rõ tướng tham lam, Mãn Túc Vương hiện rõ tướng sân hận.

Hỏi: Vì sao ở đây tăng thêm pháp khuyến khích?

Đáp: Hành tướng hạn chế bởi vì Vô ký, hai loại còn lại thì gồm chung cả hai, lại bởi vì thuộc về ban đầu.

Hỏi: Lại vì sao bước lên núi đao-nhảy vào đồng lửa, là dựa theo thuận với tướng nào?

Đáp: Dựa theo Thật là pháp, đều biết rõ mở rộng thông suốt. Nếu hạn chế thì không phải là không có khác biệt. Vì sao? Bởi vì Thể của đao nối tiếp nhau tăng lên thành tác dụng của pháp Đoạn ấy, vốn có công năng của phá hủy; Thể của lửa không nối tiếp tăng lên thành tác dụng hiển bày về pháp Thường ấy, vốn có công năng soi chiếu. Điều

này dựa vào lý nào? Như hai tên gọi có và không, nói về có thì có thể khiến cho lia Đoạn, trở thành tác dụng hiểu biết về Diệu Thường; nói về không thì có thể khiến cho lia có-không trở thành công năng chứng được Diệu vô tuyệt tướng. Lửa tức là tác dụng không có lý, tác dụng của hội tụ vọng soi chiếu huyền; dao tức là tác dụng có lý, hiểu rõ phá không thành tựu niềm tin vào thật đức. Do đó, có thì nghĩa phá tăng lên mà nghĩa thành thì giảm bớt, bởi vì thành tựu hiểu biết rõ ràng; không có thì nghĩa thành tăng lên, bởi vì hiển bày về chứng lý. Đây là nói như Khởi Tín Luận. Vả lại, nay xác định về Tông chỉ chọn lấy tướng giải thích, bởi vì dựa theo sự. Lại dựa theo tên gọi của Tam-muội đã đạt được thì nghĩa ấy cũng có thể hiểu mà thôi.

Lại hỏi: Vì sao núi dao cần phải rời bỏ sau khi đạt được pháp, lửa thì đạt được lúc có được lợi ích là thế nào?

Đáp: Bởi vì có Giáo Xả rồi mới thuận theo không có Giáo Tướng, tức là không trái ngược.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt phân rõ, sau là tổng quát kết luận.

Tri thức thứ mười là phần vị Bồ-tát Quán Đảnh Trú (Trú thứ mười), người nữ tên gọi Di-đa-la, tiến vào pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật Phổ Trang Nghiêm, có ba: Một là chỉ dạy hướng về; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức Chứng.

Văn phần một có ba: Một là nêu rõ nơi chốn-tên gọi của người-chỉ dạy hỏi han...

Trong phần hai là tiến vào phần thù thắng, có tám: Một, già từ rút lui; hai, nghĩ đến dụng của pháp môn trước đây; ba, đến nơi ấy; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là tìm cầu, có ba có thể biết; năm, từ “Thiện Tài tức nhập...” trở xuống là tướng thô của Y báo; sáu, từ “Kiến bỉ nữ...” trở xuống là thấy tướng vi tế của Chánh báo; bảy, từ “Kiến dĩ dĩ...” trở xuống là phân rõ về nghi thức cung kính; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi.

Trong phần ba là Chứng nhập, có hai: Một, pháp môn của Tự phân; hai, từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ về phần thù thắng.

Trong phần một là Tự phân, có bốn: a) Phân rõ về Thể của pháp môn đạt được; b) Từ “Đồng Tử chánh niệm...” trở xuống là hỏi về tên gọi của pháp môn, có ba có thể biết; c) Từ “Cảnh giới vân hà...” trở xuống là hỏi về phạm vi tác dụng; d) Từ “Ngã duy tri thử...” trở xuống

là kết luận.

Văn phần a có ba: a1) Khuyến khích quán sát; a2) Từ “Kiến nhất nhất...” trở xuống là do Định mà hiện rõ sự việc; a3) Từ “Giai thị...” trở xuống là mở rộng đấy khởi nhân duyên.

Trong phần c là phạm vi tác dụng, trước là hỏi, tiếp là đáp. Trong đáp gồm có một trăm mười sáu môn, những pháp môn này đều cùng chung một Bộ làm quy phạm, bởi vì đây là hiểu rõ đến cùng tận.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Tiếp theo dưới đây là mười Tri thức đang ở phần vị Thập Hạnh.

Tri thức thứ mười một là Bồ-tát Hoan Hỷ Hạnh (Hạnh thứ nhất), Tỳ-kheo tên gọi Thiện Hiên, tiến vào pháp môn Tùy Thuận Bồ-tát Chứng Minh, có ba: Một là trình bày khuyến khích chỉ dạy đi đến; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có ba: Nêu rõ nơi chốn-tên gọi của người-chỉ dạy hỏi han... có thể biết.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ tiến lên; hai, nghĩ đến pháp trước đây, trong nghĩ đến pháp có mười ba câu; ba, tiến vào; bốn, từ “Ư thành quách...” trở xuống là theo lời dạy tìm kiếm chọn lựa; năm, thấy tướng thù thắng; sáu, đi đến gần gũi lễ kính; bảy, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi phát tâm.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một là trình bày về pháp môn của Tự phần, hai từ “Kim Cang Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Văn phần một có ba: a) Phân rõ về Thể của pháp môn; b) Từ “Bất ly thử...” trở xuống là trình bày tác dụng của pháp môn; c) Từ “Ngã duy tri thử...” trở xuống là kết luận tên gọi.

Văn phần a có hai: a1) Nhân duyên đạt được pháp; a2) Từ “Bỉ chư Phật sở...” trở xuống là phân rõ về Thể đã thành tự.

Phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a-Riêng biệt phân rõ; b) Tổng quát kết luận.

Tri thức thứ mười hai là Bồ-tát Nhiều Ích Hạnh (Hạnh thứ hai), Đồng tử tên gọi Thích Thiên Chủ, tiến vào pháp môn Xảo Thuật Trí Tuệ, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có ba: Nêu rõ nơi chốn-tên gọi của người-chỉ dạy

hỏi han..., tức là Giáo lượng.

Trong phần hai, Tín lượng có tám: Một, thành tựu pháp môn trước đây; hai, nghĩ đến người già từ rút lui; ba, từ “Dữ Thiên Long...” trở xuống là trình bày về nơi đã đến; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là theo lời dạy chọn lựa; năm, từ “Thời không trung Thiên Long...” trở xuống là Tri thức phương tiện nêu ra dẫn dắt, tức là Trợ đạo mà thôi; sáu, từ “Kiến Thích Thiên Chủ...” trở xuống là thấy tướng của vị ấy; bảy, từ “Tức nghệ...” trở xuống là gần gũi lễ kính; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là tự trình bày thưa hỏi về phát tâm.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một là trình bày về pháp môn của Tự phần, hai từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Văn phần một có ba: a) Phân rõ về nhân duyên của pháp môn đã trú vào; b) Từ “Ngã nhân...” trở xuống là phân rõ về đức dụng của pháp môn; c) Từ “Duy tri thử...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Văn phần b là đức dụng có hai: b1) Tổng quát trình bày về đức dụng-công năng-toán ẩn-tướng nốt ruồi, có hai: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. b2) Từ “Ngã diệc liễu tri...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về đức dụng của toán số, có ba: Đầu là tính thẳng, tiếp là nhân chia, sau là công năng có thể biết.

Phần hai là mở rộng về thù thắng, có hai: a) Phân rõ về tướng; b) Kết luận.

Tri thức thứ mười ba là Bồ-tát Vô Huệ Hận Hạnh (Hạnh thứ ba), Ưu-bà-di tên gọi Tự Tại, tiến vào pháp môn Vô Tận Công Đức Tạng Trang Nghiêm, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Phần một trong Giáo lượng có ba như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, nghĩ đến pháp được lợi ích già từ rút lui; hai, từ “Nhĩ thời Thiện Tài ư Thiện tri thức...” trở xuống là ca ngợi về đức thâm nhiếp lợi ích, có hai có thể biết; ba, từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là trình bày về nơi đã đến; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là theo lời dạy chọn lựa, có hai có thể biết; năm, tìm kiếm tiến vào phần vị; sáu, từ “Tiến nhập...” trở xuống là thấy tướng Chánh báo thù thắng; bảy, phân rõ về nghi thức cung kính; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là tự trình bày về phát tâm.

Trong mục sáu là thấy tướng Chánh báo, có ba: a) Chánh báo; b)

Y báo; c) Quyển thuộc.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một là Tự phần, hai là tôn sùng ngưỡng mộ thắng tiến.

Văn phần một có ba: a) Một câu đầu là trình bày về pháp môn của Tự phần; b) Từ “Nhất khí...” trở xuống là phân rõ về Đại dụng của pháp môn; c) Kết luận về tên gọi.

Trong phần b là Đại dụng của pháp môn, có hai: b1) Nói về Đại dụng của pháp môn, có hai: Đầu là thực hành, sau là phân rõ về lợi ích có thể biết. b2-Từ “Nhữ kiến ngã thử...” trở xuống là thâm nhiếp khiến cho cùng được lợi ích, văn này có hai: Đầu là khiến cho nhìn thấy quyển thuộc bên trong, tiếp từ “Thử chư...” trở xuống là tác nghiệp ở bên ngoài. Văn phần đầu có ba, mục thứ hai của phần này có năm có thể biết.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a) Giải thích; b) Kết luận.

Tri thức thứ mười bốn là phần vị Bồ-tát Vô Tận Hạnh (Hạnh thứ tư), Trưởng giả tên gọi Cam Lô Đảnh, tiến vào pháp môn Như Ý Công Đức Bảo Tạng, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, Tín lượng có bảy: Một, già từ; hai, nghĩ đến; ba, nơi đến; bốn, tìm kiếm; năm, từ “Kiến Cam Lô...” trở xuống là thấy tướng; sáu, nghi thức cung kính; bảy, trình bày về ý thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có ba: Một là ca ngợi hỏi về công năng phát tâm, hai từ “Nhữ kiến ngã...” trở xuống là nói về pháp môn của Tự phần, ba từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ thắng tiến.

Trong văn Tự phần có bốn: a) Dựa theo quyển thuộc để hiển bày về pháp môn, có ba có thể biết; b) Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là trình bày về Thể của pháp môn; c) Từ “Tùy kỳ sở tu...” trở xuống là trình bày về Đại dụng của pháp môn; d) Từ “Ngã duy tri thử...” trở xuống là kết luận về tên gọi của pháp.

Trong phần c là Đại dụng, có bốn: c1) Các vật báu... là trình bày hai loại quý báu thuộc về Tài-Pháp; c2) Từ “Thả đài...” trở xuống là trình bày về chúng sinh đã hóa độ; c3) Từ “Ngưỡng thị...” trở xuống là hiển bày vật dụng giữa hư không sinh ra tài sản quý báu vô tận; c4) Vừa

ý quy về nguồn gốc.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: Tổng quát-riêng biệt và kết luận.

Tri thức thứ mười lăm là phần vị Bồ-tát Ly Si Loạn Hạnh (Hạnh thứ năm), Trưởng giả tên gọi Pháp Bảo Châu La, tiến vào pháp môn Mãn Túc Đại Nguyên, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Chấp Thiện Tài thủ...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Văn phần một có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, nghĩ đến đức cung kính già từ; hai, nghĩ đến pháp khiến cho tăng lên; ba, nơi đến; bốn, tìm kiếm; năm, đối với đạo gặp được; sáu, lễ lạy cung kính; bảy, tự nói phát tâm thưa hỏi về pháp môn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần, hai từ “Chư Đại bảo...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong văn Tự phần có ba: a) Dùng pháp môn của Tự phần để thấu nhiếp lợi ích; b) Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” cho đến “Bạch ngôn...” trở xuống là hỏi về nhân duyên đạt được pháp, có ba: Đầu là ca ngợi, tiếp là hỏi, sau là đáp có thể biết; c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận thành tựu về Tự phần.

Trong phần a có hai: a1) Khen ngợi đưa tay dẫn vào nhà, phương tiện quán sát mà thôi; a2) Chính thức quán sát.

Trong quán sát, đầu là Y báo thấu nhiếp lợi ích có hai có thể biết, sau là Chánh báo thấu nhiếp lợi ích. Trong Chánh báo có mười lớp, trong lớp thứ tám: Đầu là các thần thông, ba thế gian, trình bày về đức của tám Địa; tiếp là đến nơi chư Phật thọ trì các pháp..., trình bày về đức của Địa thứ chín. Lớp thứ mười là trong Như Lai đầy đủ..., đây chính là trong nhân vốn có pháp môn của quả.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ: Đầu là riêng biệt, tiếp là kết luận có thể biết.

Tri thức thứ mười sáu là Bồ-tát Thiện Hiện Hạnh (Hạnh thứ sáu), Trưởng giả tên gọi Phổ Nhân Diệu Hương, tiến vào pháp môn Linh Nhất Thiết Chúng Sinh Hoan Hỷ Phổ Môn, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức đạt được pháp giới.

Văn phần một có ba: Nêu rõ nơi chốn-tên gọi của người-chỉ dạy

thừa thỉnh...

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, lễ lạ già từ; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây; ba, từng bước đến nơi; bốn, phát khởi công hạnh thẳng tiến; năm, từ “Kiến Phổ Môn...” trở xuống là thấy tướng, Y báo-Chánh báo có hai có thể biết; sáu, phân rõ về nghi thức cung kính; bảy, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi về pháp môn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Ngã tri nhất thiết...” trở xuống là nói về pháp môn của Tự phần, ba từ “Chư Đại Dược Vương...” trở xuống tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong văn Tự phần có hai: a) Phân rõ về thâm nhiếp lợi ích; b) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Trong phần a có bốn: a1) Trong sự việc đối trị báo chướng có hai có thể biết; a2) Từ “Nhiên hậu...” trở xuống là trừ bỏ chướng nhất định ấy; a3) Từ “Xưng dương...” trở xuống là chỉ dạy phát tâm trừ bỏ chướng vi tế ấy khiến cho thành tựu các hạnh, phần này có hai có thể biết; a4) Từ “Thiện nam tử ngã hựu...” trở xuống là trình bày về có phương tiện khéo léo khác lạ, có hai có thể biết.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: Đầu là riêng biệt phân rõ, tiếp là kết luận.

Tri thức thứ mười bảy là phần vị Bồ-tát Vô Trước Hạnh (Hạnh thứ bảy), Vương tên gọi Mãn Túc, tiến vào pháp môn Huyền Hóa, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Thời Mãn Túc Vương...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, già từ; hai, nghĩ đến, trong nghĩ đến có hai, đầu là tổng quát, tiếp là mười sáu câu riêng biệt; ba, nơi đến; bốn, phát khởi phương tiện dẫn dắt, có hai văn hỏi đáp; năm, từ “Kiến...” trở xuống là thấy tướng có ba, một là thấy Y báo-Chánh báo, hai là thấy pháp trị quốc, ba là nhìn thấy sinh tâm nghi ngờ có thể biết; sáu, từ “Tác thị niệm...” trở xuống là các Bồ-tát cùng nhau dẫn dắt khuyên nhủ trừ bỏ nghi ngờ, có bốn có thể biết; bảy, từ “Văn Thiên dĩ...” trở xuống là nghi thức cung kính; tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là tự nói về thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là phân rõ về Tự phần, hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong văn Tự phần có bốn: a) Phương tiện thâm nhiếp tiếp nhận; b) Từ “Kiến ngã thử báo...” trở xuống là nêu rõ xem xét về hành tướng ấy; c) Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là trình bày về Thể-Dụng của pháp môn có ba, một là Thể, hai là Dụng, ba là trở lại để hiển bày về thành tựu mà thôi; d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về phạm vi.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: Đầu là mở rộng, tiếp là kết luận.

Tri thức thứ mười tám là Bồ-tát Tôn Trọng Hạnh (Hạnh thứ tám), Vương tên gọi Đại Quang, tiến vào pháp môn Bồ-tát Đại Từ Tràng Hạnh, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, già từ; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây; ba, nơi đến; bốn, phát khởi ý niệm tự biết chắc chắn thấy được pháp thù thắng, một là hỏi, hai là đáp, ba là dấy niệm sinh tâm mong muốn; năm, từ “Nhập Thiện Quang...” trở xuống là thấy tướng thô của Y báo; sáu, từ “Nhĩ thời Thiện Tài ư thử...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo; bảy, từ “Ngũ thể...” trở xuống là cung kính lễ lạy; tám, thưa hỏi.

Trong phần năm là Y báo có mười, đó là tường thành, ngõ xóm, mọi người, lầu gác, màn báu, lọng che, cờ phướn, vua chúa, nhà cửa, nơi ở.

Trong phần sáu là Chánh báo, Thiện Tài quán sát sinh tâm không đắm trước..., có ba: Một là thành tựu phần trước phát khởi phần sau; hai là thấy thân tướng của vua; ba từ “Bỉ điện tiền...” trở xuống là nói rõ về tướng lợi ích chúng sinh. Hai mươi tám tướng là hiển bày về nhân hạnh chưa tròn vẹn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về pháp môn của Tự phần, hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong văn Tự phần có bốn: a) Nêu ra tên gọi của pháp môn và nhân duyên đạt được tức là hai; b) Từ “Ngã trú thử...” trở xuống là trình bày về công dụng của lợi ích; c) Từ “Thử thành chúng sinh...” trở xuống là đưa ra công năng của Tam-muội để chứng minh sự việc hiện có; d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Văn phần b là công dụng của lợi ích, có năm: b1) Tổng quát phân

rõ về thân nhiếp lợi ích; b2) Từ “Linh chư...” trở xuống là trình bày về thân nhiếp thành tựu; b3) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức phân rõ về công dụng thân nhiếp; b4) Từ “Các kiến...” trở xuống là trình bày về sự cảm ứng đều khác nhau; b5) Từ “Đĩ chánh...” trở xuống là trình bày hội tụ thuộc về nhân trước kia.

Trong phần c là công năng của Tam-muội chứng minh sự việc hiện có, có ba: c1) Nói đến nhập Định thì loại trừ những chướng khác; c2) Từ “Thả đãi...” trở xuống là chính thức hiển bày về công năng nhập Định để chứng minh thành tựu sự việc trước đây, có hai có thể biết; c3) Từ trong Định đứng dậy.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là dụ hiển bày, ba là kết luận.

Tri thức thứ mười chín là phần vị Bồ-tát Thiện Pháp Hạnh (Hạnh thứ chín), Ưu-bà-di tên gọi Bất Động, tiến vào pháp môn Bồ-tát Vô Hoại, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ. Hai, nghĩ đến, trong nghĩa đến pháp môn trước đây có bốn đoạn trình bày về nghĩa: Một là suy ngẫm về pháp môn khiến cho được tăng trưởng tốt đẹp; hai từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là phân rõ về công năng của tri thức; ba từ “Bi tâm niệm thời...” trở xuống là nhập Định, Như Lai sứ giả phương tiện chỉ dạy rõ ràng khiến cho càng tiến lên; bốn từ “Nhĩ thời Thiện Tài định ngật...” trở xuống là xuất Định. Ba, dẫn đến. Bốn, từ “Suy vấn...” trở xuống là phân rõ về tìm kiếm. Năm, từ “Thiện Tài hoan hỷ...” trở xuống là thấy tác dụng thanh tịnh của Y báo. Sáu, từ “Tiền nghệ kỳ sở...” trở xuống là cung kính ngắm nhìn tác dụng của Chánh báo. Bảy, tự nói về thưa hỏi phát tâm.

Trong phần cung kính ngắm nhìn, có năm: a) Hình sắc thù thắng đạt được ích lợi, có ba có thể biết; b) Thể thù thắng của cung điện...; c) Quyển thuộc thù thắng; d) Từ “Kỳ hữu kiến giả...” trở xuống là pháp thù thắng loại trừ chướng; e-Từ “Kiến bỉ nữ nhân...” trở xuống là nhắc lại đức thù thắng trước đây và nói kệ ca ngợi, tức là hai vậy.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là nói về Tự phần đã đạt được, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong văn Tự phần có bốn: a) Phân rõ về Thể của pháp môn; b) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp; c) Từ “Ngã nhập thử...” trở xuống là dẫn ra tướng thù thắng của hành thành tựu tác dụng do Định hiện có; d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Văn phần b là nhân duyên đạt được pháp: Đầu là hỏi về tu hành công hạnh thù thắng và hỏi về đức dụng; sau là trong phần đáp kết hợp giải thích về nhân duyên và đức dụng. Trong đáp có ba: Một là sơ lược về đáp, hai là trở lại hỏi, ba là mở rộng phân rõ. Trong mở rộng phân rõ có sáu: 1) Thấy thân tướng của Phật phát tâm nghĩ đến mong cầu; 2) Từ “Thời bỉ Như Lai...” trở xuống là trở lại chỉ dạy phát khởi mười tâm; 3) Từ “Ngã ư nhĩ thời...” trở xuống là hỏi về pháp mong cầu quả trí; 4) Từ “Ngã phát thị tâm dĩ...” trở xuống là thực hành thành tựu lìa chướng; 5) Từ “Ư nhĩ sở kiếp nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về đức dụng Lợi tha; 6) Từ “Ngã sơ phát tâm lai...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần c là dẫn ra tác dụng của Định hiện có, có năm: c1) Ca ngợi về đức; c2) Xét kỹ về Định; c3) Trả lời; c4) Sự việc thành tựu; c5) Xuất Định.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: Đầu là đưa ra sáu dụ để trình bày về hành sâu rộng, hai là kết luận.

Tri thức thứ hai mươi là phần vị Bồ-tát Chân Thật Hạnh (Hạnh thứ mười), đạt được pháp môn Chí Nhất Thiết Xứ Hành, Tri thức ngoại đạo tên gọi Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào pháp giới.

Văn phần một là khuyến khích chỉ dạy tiến vào, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, giả từ rút lui; hai, nghĩ đến pháp môn trước đây; ba, dẫn đến nơi; bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là tìm kiếm; năm, từ “Ư trung dạ...” trở xuống là thấy tướng của Y báo; sáu, từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo; bảy, từ “Vãng nghệ...” trở xuống là nghi thức cung kính; tám, thưa hỏi về pháp môn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, từ “Đáp ngôn...” trở xuống có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Tri dĩ an trú...” trở xuống là nói về Tự phần đã đạt được, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong văn Tự phần có bốn: a) Phân rõ về pháp môn; b) Từ “Dĩ bình đẳng Bát-nhã...” trở xuống là trình bày về Thể-Dụng nhiếp hóa của pháp môn; c) Từ “Phục thứ thiện nam tử...” trở xuống là dùng tác dụng lợi ích gần gũi để chứng minh cho công hạnh trước đây, có ba có thể biết; d) Từ “Ngã duy tri thử...” trở xuống là kết luận.

Trong phần b là Thể-Dụng nhiếp hóa, có ba: b1) Đưa ra ánh sáng trí tuệ; b2) Từ “Quán sát...” trở xuống là quán sát căn cơ ấy, có ba có thể biết; b3) Từ “Dĩ diệu trí...” trở xuống là nói pháp làm lợi ích khắp nơi.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: Đầu là riêng biệt trình bày, sau là kết luận.

Tiếp theo dưới đây là mười Tri thức đang ở phần vị Thập Hồi Hưởng.

Tri thức thứ hai mươi một là phần vị Bồ-tát Cửu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hưởng (Hồi Hưởng thứ nhất), Trưởng giả tên gọi Thanh Liên Hoa Hương, tiến vào pháp môn Hương, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có sáu: Một, giả từ; hai, từ “Nhĩ thời...” cho đến “Bất tích...” trở xuống là nghĩ đến pháp tu trước đây được lợi ích, có hai có thể biết; ba, từ “Tiệm tiệm...” trở xuống là đến nơi ấy; bốn, từ “Nghệ Thanh Liên Hoa...” trở xuống là tùy theo tiến lên đạt được chân thật; năm, từ “Đầu diện...” trở xuống là lễ lạy cung kính; sáu, tự nói về phát tâm thưa hỏi điều chưa nghe.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Ngã năng...” trở xuống là trình bày về pháp môn của Tự phần, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Văn về Tự phần có hai: a-Phân rõ về pháp đã nhận biết; b-Kết luận.

Văn phần a có ba: a1) Nhận biết về pháp Hương. a2) Từ “Bỉ hương...” trở xuống là nhận biết về Hương khởi nhân, có mười loại nhân: 1) Tồn tại một mình; 2) Do việc làm; 3) Pháp có sẵn; 4) Đầy đủ các phần; 5) Không có sai lầm; 6) Đức thành tựu bất động; 7) Khéo léo phát sinh lẫn nhau; 8) Phạm vi; 9) Thành tựu sự việc trước đây; 10) Nơi đến. a3) Từ “Nhân trung hữu hương...” trở xuống là phân rõ về lực thù thắng.

Phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a) Phân rõ; b) Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi hai là phần vị Bồ-tát Bất Hoại Hội Hưởng (Hội Hưởng thứ hai), Hải Sư tên gọi Tự Tại, tiến vào pháp môn Đại Bi Trạng Tịnh Hạnh, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba là chính thức tiến vào. Ba nghĩa giống như trước có thể biết.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, giả từ. Hai, nghĩ đến có hai, trong mục thứ hai có ba: Thiết lập-vấn hỏi và đáp. Ba, dẫn đến nơi. Bốn, tìm kiếm. Năm, thấy tướng thù thắng. Sáu, đi đến nơi ấy lễ lạy cung kính. Bảy, tự nói thưa hỏi về phát tâm.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi người chủ động hỏi về phát tâm, hai từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là pháp môn của Tự phần, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có ba: a) Một câu phân rõ về pháp môn. b) Từ “Tại thử hải biên...” trở xuống là phân rõ về lợi ích của tác dụng hóa độ, có bốn: Một là pháp giải thoát có hai có thể biết, hai là biết về pháp của sự thế gian, ba là rời bỏ thế gian trở thành xuất thế, bốn là kết luận thành tựu Đại Dụng có thể biết. c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Phân biệt; b) Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi ba là Bồ-tát Đẳng Nhất Thiết Phật Hội Hưởng (Hội Hưởng thứ ba), Trưởng giả tên gọi Vô Thượng Thắng, tiến vào pháp môn Chí Nhất Thiết Thú Bồ-tát Tịnh Hạnh Trang Nghiêm, có ba: Một là trình bày về khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Trưởng giả cáo...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, giả từ rút lui. Hai, nghĩ đến tu tập thêm rộng. Ba, dẫn đến nơi. Bốn, từ “Châu biến...” trở xuống là tìm kiếm. Năm, từ “Thành Đông...” trở xuống thấy tướng thù thắng vi diệu. Sáu, từ “Thời bỉ Trưởng giả...” trở xuống là tướng quyến thuộc của vị ấy. Bảy, từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là cung kính lễ lạy. Tám, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là mở rộng điều thưa hỏi của mình mà thôi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là ca ngợi về phát tâm, hai từ “Ngã thành tựu chí nhất thiết...” trở xuống là nói về

pháp của Tự phần, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có ba: a) Tổng quát đưa ra Thể tướng của pháp; b) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là mở rộng phân rõ về Dụng tướng của nghĩa; c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Trong phần b là mở rộng phân rõ, có hai: Đầu là hỏi, tiếp là đáp. Văn này có hai: Một là dựa theo phương này; hai là cùng tương tự cõi khác, phần này có hai có thể biết. Trong văn phần một có hai: Một là thân nghiệp đến nơi; hai từ “U trung thuyết pháp...” trở xuống là khẩu nghiệp thuyết pháp. Ở trong hai văn này, nhận biết về pháp hợp với thuốc và chư Phật tự hiểu rõ về nơi chốn của Thánh, tức là ý nghiệp.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Thân nghiệp thù thắng; b) Từ “Đãi đắc...” trở xuống là khẩu nghiệp thù thắng; c) Từ “Phân biệt...” trở xuống là ý nghiệp thù thắng; d) Từ “Ngã đương...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Tri thức thứ hai mươi bốn là Bồ-tát Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương (Hồi Hương thứ tư), Ni tên gọi Sư Tử Phấn Tấn, tiến vào pháp môn Bồ-tát Nhất Thiết Trí ĐỂ, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức tiến vào pháp giới.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ rút lui. Hai, dẫn đến nơi, lược bớt không có nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, từ “Châu biến...” trở xuống là tìm kiếm, có hai có thể biết. Bốn, từ “Nghệ bỉ...” trở xuống là thấy tướng của Y báo, có ba: Một là phân rõ về Thể của quả, hai là trình bày về nhân, ba là phân rõ về tự tại, phần này có ba có thể biết. Năm, từ “Kiến Tỳ-kheo Ni...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo. Sáu, từ “Ngũ thể đầu địa...” trở xuống là phân rõ về nghi thức cung kính. Bảy, từ “Bạch ngôn...” trở xuống là thưa hỏi.

Trong phần Chánh báo có ba: Một là thấy thân ở khắp những tòa ngòai, hai từ “Kiến xứ nhất tòa...” trở xuống là thuyết pháp cho chúng, ba từ “Thiện Tài kiến...” trở xuống là kết luận về điều là lòng đã thấy.

Trong phần thuyết pháp cho chúng có sáu: 1) Thuyết pháp cho tám Bộ cùng với những Thiên vương; 2) Từ “Thanh văn...” trở xuống là thuyết pháp cho chúng; 3) Từ “Sơ phát tâm...” trở xuống là vì người ở Thập Địa; 4) Thuyết pháp cho những Lực sĩ Kim Cang; 5) Từ “Kiến xứ như thị...” trở xuống là mở rộng tương tự kết luận về lợi ích; 6) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ. Thứ nhất là Tịnh Cư

Thiên... toàn bộ có hai mươi chín môn thấy Chánh báo.

Trong văn phần ba là kết luận, vườn rừng... là kết luận về cây cối... trước đây, kinh hành an tọa... là kết luận về ngồi khắp nơi... trước đây, Đại chúng quyến thuộc là kết luận về Đại chúng... trước đây, từ các công đức vi diệu trở xuống là kết luận về thuyết pháp... trước đây, các sự việc lạ lùng là tổng quát kết luận về thù thắng, lại nghe trở xuống là kết luận ca ngợi về thuyết pháp huân tập giúp đỡ khiến cho thân tâm hòa dịu... trước đây.

Trong phần ba là chính thức tiến vào pháp giới, có hai: Một là pháp môn của Tự phần, hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có bốn: a) Nói về tên gọi của pháp môn; b) Từ “Đại Thánh như thử...” trở xuống là trình bày về Thể của pháp thuộc Tự phần, đầu là hỏi, sau là đáp; c) Từ “Đại Thánh thử trí quang...” trở xuống là trình bày về phạm vi Đại Dụng của pháp môn, đầu là hỏi, sau là đáp, văn đáp có bốn có thể biết; d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của Tự phần.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Riêng biệt trình bày; b) Kết luận có thể biết.

Tri thức thứ hai mươi lăm là phần vị Bồ-tát Vô Tận Tạng Hôi Hương (Hôi Hương thứ năm), người nữ tên gọi Bà-tu-mật-đa, tiến vào pháp môn Ly Dục Thật Tế, có ba: Một là trình bày về khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức Chứng.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, già từ rút lui. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, dần đến nơi, như trước. Bốn, trình bày về tìm kiếm, có bốn có thể biết. Năm, từ “Thiện Tài văn thử...” trở xuống là thấy tướng của Y báo. Sáu, từ “Thiện Tài kiến bỉ...” trở xuống là thấy tướng của Chánh báo, có bốn: Một là thân, hai là khẩu, ba là ý, bốn là trang nghiêm có thể biết. Bảy, lễ lạy cung kính. Tám, tự nói thưa hỏi về phát tâm.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là tự nói về pháp môn, hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có bốn: a) Một câu phân rõ về Thể tên gọi của pháp môn. b) Từ “Nhược Thiên kiến ngã...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng

của pháp, có bốn: Một là tổng quát về Đồng sinh, hai là hiện bày thù thắng, ba là đối với đời sống được lợi ích, bốn là kết luận. A-lê-nghi thì Trung Hoa gọi là mong muốn vốn có (bổn dục), A Chúng Bính thì Trung Hoa gọi là mong muốn chính đáng (chánh dục). c) Từ “Tích hà sở...” trở xuống là nhân duyên đạt được pháp, đầu là hỏi, tiếp là đáp, trong đáp có hai: Một là duyên thù thắng, hai là phát tâm. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a) Phân biệt; b) Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi sáu là phần vị Bồ-tát Tùy Thuận Kiên Cố Thiện Căn Hội Hưởng (Hội Hưởng thứ sáu), Trưởng giả tên gọi An Trú, tiến vào pháp môn Bất Diệt Độ Tế Bồ-tát, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, chỉ có bốn: Một, giả từ. Hai, hướng về. Ba, đến nơi. Bốn, tự nói về phát tâm và thừa hỏi mà thôi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là tự nói về pháp đã đạt được, hai là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có ba: a) Phân rõ về Thể của pháp môn. b) Từ “Tự ngôn...” trở xuống là trình bày về Đức Dụng của pháp môn có ba, đó là hỏi-giải thích-kết luận nối thông..., có thể biết. c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Vấn phần a có hai: a1) Nêu ra tên gọi; a2) Từ “Trú thử...” trở xuống là trình bày về hành tướng thấy Phật, có hai: Một là Phật, hai là pháp, đều có hai câu.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a-Giải thích; b-Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi bảy là phần vị Bồ-tát Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hội Hưởng (Hội Hưởng thứ bảy), Bồ-tát tên gọi Quán Thế Âm, tiến vào pháp môn Đại Bi, có ba: Một là trình bày về khuyến khích chỉ dạy tiến vào, có ba giống như trước; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có chín: Một, giả từ

tiến lên. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, dẫn đến nơi. Bốn, tìm kiếm. Năm, thấy tướng Y-Chánh của Quán Thế Âm. Sáu, Thiện Tài phát sinh ý niệm quán sát kỹ càng để dấy khởi ý niệm. Bảy, từ “Thời Quán Thế Âm...” trở xuống là khen ngợi Thiện Tài. Tám, đến nơi lễ bái. Chín, tự nói về phát tâm và thưa hỏi về pháp môn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là khen ngợi về sự phát tâm ấy, hai từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là pháp môn của Tự phần, ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có ba: a) Trình bày về Thể tướng của pháp môn. b) Từ “Ngã hành Đại Bi...” trở xuống là trình bày về Dụng làm lợi ích. c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết.

Văn phần a có hai: a1) Phân rõ về Thể của tên gọi; a2) Phân rõ về công năng.

Trong phần b là Dụng làm lợi ích, có hai: b1) Phân rõ khiến cho lìa xa mười tám chương nạn; b2) Từ “Phục thứ...” trở xuống là khuyên dạy khiến cho phát tâm.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: a) Tổng quát; b) Riêng biệt; c) Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi tám là phần vị Bồ-tát Như Tướng Hội Hưởng (Hội Hưởng thứ tám), Bồ-tát tên gọi Chánh Thú, tiến vào pháp môn Phổ Môn Tốc Hành, có ba: Một là phân rõ về khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Ngã dĩ...” trở xuống là trình bày về chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có bốn: Một, nêu rõ nơi đến; hai, ca ngợi về đức; ba, xem thấy có thể không có hai phần hỏi đáp; bốn, từ “Nhữ nghệ...” trở xuống là chỉ dạy thưa hỏi.

Hỏi: Vì sao một vị Tri thức này nói là Đông chứ không nói là Nam?

Đáp: Bởi vì Hội Hưởng thứ tám này là Như Tướng lìa xa phạm vi, cho nên lựa chọn trước đây mà thôi. Nhưng có bắt đầu chứng được thấy biết rõ ràng, cho nên nói là Đông.

Hỏi: Nguyên cớ đứng trên núi Kim Cang và đến nơi Quán Thế Âm là thế nào?

Đáp: Bởi vì phần vị Địa Tiên thì chưa chứng được Chân như, lưu chuyển đến theo cảnh cho nên khó hư hoại, lại bởi vì về sau đi đến phạm vi của Bi cho nên làm lợi ích chúng sinh.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có năm: Một, lễ lạy

cung kính quán sát kỹ càng. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, đi đến gần gũi. Bốn, lễ bái. Năm, tự nói về phát tâm và thưa hỏi pháp môn.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là nói về sự nhận biết của Tự phần, hai từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Tự phần có ba: a-Phân rõ tên gọi của pháp môn. b-Hỏi đáp phân rõ nhân duyên đạt được pháp..., phần này có ba câu hỏi. c-Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về nhận biết.

Trong phần đáp về nhân duyên, có ba: Một là nêu ra khó biết; hai từ “Duy nguyện...” trở xuống là trở lại thưa thỉnh; ba là chính thức đáp về nhân hạnh. Trong phần chính thức đáp, có bảy: 1) Quốc độ; 2) Danh hiệu Phật; 3) Thuận theo pháp môn đạt được; 4) Phát khởi cầu mong xa gần; 5) Phân rõ về nhanh chóng; 6) Hạnh cúng dường; 7) Từ “Tất năng liễu tri...” trở xuống là thuận theo căn cơ trao cho pháp, bao gồm trả lời ba câu hỏi trên, cũng có thể tách biệt.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ, có ba: a) Tổng quát; b) Riêng biệt; c) Kết luận.

Tri thức thứ hai mươi chín là phần vị Bồ-tát Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hưởng (Hồi Hưởng thứ chín), vị trời tên gọi Đại Thiên, tiến vào pháp môn Vân Võng, có ba: Một là phân rõ về khuyến khích chỉ dạy tiến vào; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “Nhĩ thời Đại Thiên...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có tám: Một, cung kính già từ. Hai, nghĩ đến pháp môn trước đây. Ba, dần đến nơi. Bốn, tìm kiếm có hai có thể biết. Năm, đi đến. Sáu, lễ lạy cung kính. Bảy, tự nói về phát tâm. Tám, thưa hỏi.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có ba: Một là lấy nước rửa mặt, rải hoa bằng vàng, và ca ngợi Tri thức ấy khó gặp được; hai từ “Ngã dĩ...” trở xuống là tự nói về pháp môn của Tự phần đã đạt được; ba từ “Chư Đại...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ phần thù thắng.

Trong Tự phần có ba: a) Phân rõ về Thể của pháp môn. b) Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là hiển bày cảnh giới đức dụng của pháp. c) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần b là đức dụng có hai: Đầu là hỏi, tiếp là đáp. Trong

đáp có hai: Một là chỉ dạy về Tài thí, hai từ “Phục thứ...” trở xuống là chỉ dạy về Pháp thí. Một là Tài thí có năm: 1) Tích lũy vật báu; 2) Tích lũy hương thơm; 3) Hiện thân người nữ; 4) Chỉ dạy Thiện Tài; 5) Cho đến người khác. Hai là trong Pháp thí có bốn, có thể biết.

Trong phần ba là tôn sùng ngưỡng mộ, có hai: a-Đưa ra năm dụ tức là hợp; b-Kết luận.

Tri thức thứ ba mươi là Bồ-tát Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hưởng (Hồi Hưởng thứ mười), vị Thần tên gọi An Trú, tiến vào pháp môn Bồ-tát Bất Khả Hoại Tạng, có ba: Một là khuyến khích chỉ dạy; hai từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là theo sự chỉ dạy tiến vào; ba từ “An Trú Địa thần cáo...” trở xuống là chính thức tiến vào.

Trong phần một là khuyến khích chỉ dạy, có ba nghĩa giống như trước.

Vì sao dưới đây không phân rõ về Nam? Bởi vì thế gian thuần thực là xa các tướng.

Trong phần hai là theo sự chỉ dạy tiến vào, có bảy: Một, già từ. Hai, hướng đến Ma-kiệt. Ba, theo sự chỉ dạy tiến vào, lược bớt không có nghĩ đến pháp môn trước đây. Bốn, từ “Nhất vạn Địa thần...” trở xuống là ca ngợi đức của Thiện Tài, văn này có bốn, một là ca ngợi về đức, hai là cảnh giới thanh tịnh, ba là thích hợp với pháp, bốn là hỏi han kỹ càng có thể biết. Năm, từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ lạy cung kính. Sáu, nói rõ ý nghĩ. Bảy, đất trời hiện bày quả báo Tịnh độ khiến cho cùng thấy được lợi ích có hai, một là quả, hai là nhân và khuyến khích chọn lấy có thể biết.

Trong phần ba là chính thức tiến vào, có hai: Một là phân rõ về nguyên nhân-danh thể của pháp môn thuộc Tự phần; hai từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là tôn sùng ngưỡng mộ.

Trong Tự phần có bốn: a) Đưa ra danh thể của pháp môn. b) Từ “Ngã ư Nhiên Đăng...” trở xuống là trình bày về cảnh giới Đại dụng sai biệt của sự tu hành. c) Từ “Nãi vãng dĩ...” trở xuống là trình bày về nhân duyên đạt được pháp. d) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình.

Trong phần hai là tôn sùng ngưỡng mộ: a) Giải thích; b) Kết luận.

